

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ

Tập huấn, giới thiệu Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 và các Thông tư hướng dẫn thi hành

Khu vực miền Bắc: Ngày 16 tháng 5 năm 2018

Hội trường lớn trụ sở Tổng cục Hải quan – Lô E3 Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, Hà Nội

Khu vực miền Nam: Ngày 23 tháng 5 năm 2018

Nhà khách T78, 145 Lý Chính Thắng, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Khu vực miền Trung: Ngày 31 tháng 5 năm 2018

Hội trường Cục Hải quan TP Đà Nẵng - Số 65-67 Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
A. Buổi sáng		
08h15 - 08h30	Đăng ký đại biểu	Ban tổ chức
08h30 - 08h45	Khai mạc Hội nghị	Lãnh đạo Tổng cục
08h45 - 09h45	Giới thiệu nội dung của Nghị định 59/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP	Đại diện Cục Giám sát quản lý về hải quan - TCHQ
09h45 - 10h00	Nghỉ giải lao	
10h00 - 10h45	Giới thiệu nội dung của dự thảo Thông tư quy định về xác định xuất xứ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đại diện Cục Giám sát quản lý về hải quan - TCHQ
10h45 - 11h30	Giải đáp vướng mắc	Ban soạn thảo Nghị định 59/2018/NĐ-CP và các Thông tư có liên quan
B. Buổi chiều		
13h30 - 14h15	Giới thiệu dự thảo nội dung của Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC (nội dung thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa XNK)	Đại diện Cục Giám sát quản lý về hải quan - TCHQ
14h15 - 14h45	Giới thiệu dự thảo nội dung của Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC (nội dung quản lý hải quan đối với hàng hóa gia công, SXK, DNCX)	Đại diện Cục Giám sát quản lý về hải quan - TCHQ

14h45 – 15h00	Nghỉ giải lao	
15h00 - 16h00	Giới thiệu dự thảo nội dung của Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC (<i>nội dung quản lý thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu</i>)	Đại diện Cục Thuế xuất nhập khẩu - TCHQ
16h00-16h45	Giải đáp vướng mắc	Ban soạn thảo Nghị định 59/2018/NĐ-CP và các Thông tư có liên quan
16h45 – 17h00	Bế mạc và Kết luận Hội nghị	Lãnh đạo Tổng cục

NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2018/NĐ-CP

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ
08/2015/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI
HÀNH LUẬT HẢI QUAN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM
TRA, GIÁM SÁT, KIỂM SOÁT HẢI QUAN**



HẢI QUAN VIỆT NAM
Chuyên nghiệp, Minh bạch, Hiệu quả



NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CƠ BẢN CỦA

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2018/NĐ-CP NGÀY 20/04/2018
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 08/2015/NĐ-CP NGÀY
21/01/2015**

**SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH
SỐ 59/2018/NĐ-CP**

Thứ nhất: Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu 2016.

Thứ 2: Luật Quản lý Ngoại thương.

Thứ 3: Triển khai cổng thông tin 1 cửa quốc gia đối với phương tiện vận tải.

Thứ 4: Thực hiện Nghị quyết 19/2017/NQ-CP của Chính phủ cụ thể là thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Thứ 5: Các vướng mắc, bất cập trong thực hiện các quy định liên quan tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP

**SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ
59/2018/NĐ-CP**

Tại Nghị định sửa đổi, bổ sung đã quy định các vấn đề cơ bản liên quan đến: Thủ tục hải quan đối với hàng hoá trung chuyển, quá cảnh; về xác định trị giá hải quan đối với hàng xuất khẩu, về kiểm tra xác định trị giá; quy định về thời điểm phải có giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu khi làm thủ tục hải quan đối với trường hợp hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu; thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất nhập cảnh....



BỘ CỤC, KẾT CẤU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI

Nghị định sửa đổi bao gồm: 03 Điều, nội dung sửa đổi như sau:

Điều 1 - Các Điều, khoản sửa đổi, bổ sung của Nghị định 08/2015/NĐ-CP:

- Các Điều, khoản sửa đổi: 32 nội dung;
- Các Điều, khoản được bổ sung mới: 04 nội dung;
- Các Điều, khoản sửa cả điều: 17 nội dung;
- Các Điều, khoản có nội dung bãi bỏ: 03 Điều bãi bỏ cả điều và 03 điều bãi bỏ 1 phần.

Điều 2 – Hiệu lực thi hành

Điều 3: Trách nhiệm, hướng dẫn thi hành.



HẢI QUAN VIỆT NAM
Chuyên nghiệp, Minh bạch, Hiệu quả



**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH
NGHỊ ĐỊNH 59/2018/NĐ-CP**

**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH
NGHỊ ĐỊNH 59/2018/NĐ-CP**

1. Nhóm vấn đề về hàng hoá quá cảnh, trung chuyển
2. Nhóm về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan
3. Nhóm về trị giá hải quan
4. Nhóm về phương tiện vận tải xuất nhập cảnh
5. Nhóm về doanh nghiệp ưu tiên
6. Nhóm về kiểm tra sau thông quan

VỀ HÀNG HOÁ QUÁ CẢNH, TRUNG CHUYÊN

Quy định hiện hành

Hiện tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP:

- (1) Chưa quy định cụ thể về thủ tục hải quan đối với việc chuyển tải, lưu kho chia tách, thay đổi phương thức vận tải, hàng quá cảnh đóng chung với hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu;
- (2) Chỉ cho phép hàng trung chuyển vào tại một cảng và chỉ được đưa ra từ đó;
- (3) Chưa phân định rõ ràng giữa hàng quá cảnh và hàng trung chuyển.

VỀ HÀNG HOÁ QUÁ CẢNH, TRUNG CHUYÊN (tiếp)

Bất cập khi thực hiện

Quy định tại Nghị định 08 dẫn đến phát sinh việc các đối tượng bị điều chỉnh thực hiện không thống nhất, trong khi đây là các hoạt động đã được Luật Thương mại cho phép và phù hợp với thông lệ quốc tế, cần được quy định để tạo thuận lợi cho hoạt động vận tải, hoạt động logistic phát triển.

VỀ HÀNG HOÁ QUÁ CẢNH, TRUNG CHUYÊN (tiếp)

Nội dung sửa đổi, bổ sung (Khoản 19, 20 Điều 1 NB 59)

1. Về chính sách đối hàng quá cảnh, trung chuyển
 - a. Quy định thủ tục hải quan đối với việc chia tách, lưu kho, thay đổi phương thức, phương tiện vận tải hàng quá cảnh, việc đóng chung hàng hóa quá cảnh với hàng xuất khẩu, nhập khẩu.
 - b. Địa điểm chia tách... được thực hiện tại khu vực cửa khẩu nhập, cửa khẩu xuất, kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ (kho CFS), địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành lập trong nội địa (cảng cạn), địa điểm tập kết kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh.

VỀ HÀNG HOÁ QUÁ CẢNH, TRUNG CHUYÊN (tiếp)

Nội dung sửa đổi, bổ sung (Khoản 19, 20 Điều 1 NB 59)

1. Về chính sách đối hàng quá cảnh, trung chuyển (tiếp)
 - c. Điều kiện đóng chung:
 - Hàng hóa phải được đóng gói riêng biệt (kiện, thùng, bao bì...) để phân biệt hàng hóa quá cảnh đóng chung với hàng nhập khẩu, xuất khẩu;
 - Hàng hóa quá cảnh không thuộc trường hợp phải có giấy phép quá cảnh theo quy định của pháp luật hoặc không thuộc mặt hàng là rượu, bia, thuốc lá;
 - Hàng hoá dự kiến nhập khẩu đóng chung container, toa xe chở hàng với hàng quá cảnh khi chia tách tại các địa điểm (trừ cửa khẩu nhập) không thuộc danh mục hàng hoá nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

VỀ HÀNG HOÁ QUÁ CẢNH, TRUNG CHUYỂN (tiếp)

Nội dung sửa đổi, bổ sung (Khoản 19, 20 Điều 1 NB 59)

(tiếp)

c. Điều kiện đóng chung (tiếp)

- Hàng xuất khẩu đóng chung container, toa xe chở hàng với hàng hóa quá cảnh, hàng hoá xuất khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh đóng chung với hàng hóa quá cảnh phải có cùng cửa khẩu xuất với hàng quá cảnh: cửa khẩu xuất phải là cửa khẩu quốc tế theo quy định hiện hành.
- Container, toa xe chở hàng, phương tiện chứa hàng hóa gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu niêm phong hải quan.

VỀ HÀNG HOÁ QUÁ CẢNH, TRUNG CHUYỂN (tiếp)

Nội dung sửa đổi, bổ sung (Khoản 19, 20 Điều 1 NB 59)

1. Về chính sách đối hàng quá cảnh, trung chuyển (tiếp)

- d. Mở rộng hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường biển từ nước ngoài vào khu vực trung chuyển tại cảng biển, sau đó được đưa ra nước ngoài từ chính khu vực trung chuyển tại cảng biển này hoặc đến khu vực trung chuyển tại cảng biển khác để đưa ra nước ngoài; hàng hóa trung chuyển vận chuyển giữa các cảng biển phải được vận chuyển bằng đường thủy nội địa, đường biển.

VỀ HÀNG HOÁ QUÁ CẢNH, TRUNG CHUYỂN
(tiếp)

Nội dung sửa đổi, bổ sung (Khoản 19, 20 Điều 1 NBĐ)

1. Về chính sách đối với hàng trung chuyển, quá cảnh (tiếp)

e. Quy định hàng hóa đưa từ nước ngoài vào Việt Nam vào các khu vực trung chuyển tại các cảng biển loại IA và cảng TP Hồ Chí Minh (cảng biển loại I)

Các quy định trên nhằm đảm bảo tương thích với quy định tại Điều 241 Luật Thương mại và thực tế phát sinh trong hoạt động vận tải quốc tế, phát huy lợi thế của Việt Nam trong hoạt động vận tải quốc tế, nâng cao năng lực cảng biển Việt Nam.

Hơn nữa, Nghị định quy định cụ thể, phân biệt rõ hàng hóa quá cảnh, hàng hóa trung chuyển để đảm bảo đúng bản chất của hàng quá cảnh, trung chuyển.

VỀ HÀNG HOÁ QUÁ CẢNH, TRUNG CHUYỂN (tiếp)

Nội dung sửa đổi, bổ sung (Khoản 19, 20 Điều 1 NBĐ)

2. Về thủ tục hải quan đối với hàng trung chuyển, quá cảnh

a. Về địa điểm làm thủ tục hải quan đối với hàng quá cảnh:

Quy định hiện hành làm thủ tục tại cửa khẩu nhập đầu tiên và xuất ở cửa khẩu xuất cuối cùng.

Tại Nghị định đã bổ sung quy định loại trừ việc áp dụng quy định trên đối với trường hợp hàng hóa quá cảnh đóng chung container, toa xe chở hàng với hàng nhập khẩu, xuất khẩu, đóng chung với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh.

VỀ HÀNG HOÁ QUÁ CẢNH, TRUNG CHUYỂN (tiếp)**Nội dung sửa đổi, bổ sung (Khoản 19, 20 Điều 1 ND)**

2. Về thủ tục hải quan đối với hàng trung chuyển, quá cảnh (tiếp)

b. Về hồ sơ hàng quá cảnh, trung chuyển bổ sung thêm chứng từ: Bản kê chi tiết hàng hoá quá cảnh theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;

c. Về thủ tục bổ sung thêm quy định: đối với trường hợp hàng hoá quá cảnh đồng chung với hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu thì thực hiện khai hải quan trên từng tờ khai vận chuyển hoặc chứng từ vận chuyển theo từng chặng vận chuyển, từng loại hình tương ứng;

VỀ HÀNG HOÁ QUÁ CẢNH, TRUNG CHUYỂN (tiếp)

2. Về công tác giám sát:

- Không thực hiện niêm phong hải quan đối với hàng hoá quá cảnh, hàng hoá trung chuyển còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển (trừ trường hợp vận chuyển bằng đường bộ).

- Cơ quan hải quan tại cửa khẩu xuất sẽ thực hiện kiểm tra niêm phong hải quan hoặc kiểm tra niêm phong của hãng vận chuyển.

VỀ HÀNG HOÁ QUÁ CẢNH, TRUNG CHUYÊN (tiếp)

2. Về công tác giám sát (tiếp)

Riêng đối với hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường thủy nội địa xuất sang Campuchia, ngoài việc niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển thì phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật khác, Hải quan cửa khẩu thực hiện giám sát căn cứ thông tin về lộ trình, thời gian vận chuyển, các cảnh báo bất thường (nếu có) để quyết định việc kiểm tra niêm phong hoặc niêm phong hãng vận chuyển.

VỀ ĐỊA ĐIỂM LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN (KHOẢN 2 ĐIỀU 1 NGHỊ ĐỊNH)

1. Bổ sung thêm quy định: hàng hoá gửi qua dịch vụ bưu chính; dịch vụ CPN bao gồm hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập do Thủ tướng Chính phủ được làm thủ tục hải quan tại Chi cục quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng CPN.

2. Bổ sung quy định các nội dung liên quan đến việc công nhận hoạt động đối với kho, bãi tại khu vực cảng biển, cảng hàng không và cảng thủy nội địa (tương tự như các địa điểm khác), quy định này nhằm đảm bảo công tác quản lý về hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại khu vực kho, bãi, cảng và đảm bảo cơ sở pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện.

NHÓM THỦ TỤC , KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN

1. Về người khai hải quan (Khoản 3 Điều 1 NB)

Bổ sung thêm đối tượng khai hải quan: Chủ đầu tư, nhà thầu hoặc người được chủ đầu tư, nhà thầu ủy quyền trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư miễn thuế.

Nội dung quy định này giải quyết được vướng mắc đối với các trường hợp chủ đầu tư không trực tiếp nhập khẩu mà giao cho các nhà thầu thực hiện hoặc các nhà thầu nước ngoài thuê doanh nghiệp Việt Nam thực hiện thủ tục nhập khẩu.

NHÓM THỦ TỤC , KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN

2. Về khai hải quan (tiếp)

- Bổ sung quy định về xử lý đối với trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử gặp sự cố (đầu doanh nghiệp gặp sự cố), quy định này nhằm đảm bảo minh bạch, rõ ràng trong trường hợp sự cố xảy ra.

- Quy định rõ về thời điểm nộp giấy phép, cụ thể: *Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thì phải có giấy phép trước khi đăng ký tờ khai hải quan.* Quy định này nhằm tháo gỡ vướng mắc khó khăn cho cơ quan hải quan, tránh việc tranh chấp giữa cơ quan hải quan và người khai hải quan trong việc xác định thời điểm chấp nhận giấy phép.

NHÓM THỦ TỤC , KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN

3. Về thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công, sản xuất xuất khẩu (khoản 17, 18 Điều 1 ND)

- Sửa đổi, bổ sung thêm các trường hợp phải kiểm tra cơ sở sản xuất, năng lực gia công, sản xuất để tránh gian lận và phù hợp với Luật Thuế xuất nhập khẩu 2016 như trường hợp: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công cho thương nhân nước ngoài nhưng thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công lại toàn bộ hợp đồng gia công; or khi phát hiện dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công lại toàn bộ hợp đồng gia công.

- Về thẩm quyền, thời gian kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị: Để tránh cách hiểu khác nhau, tránh trùng lặp với chức năng, nhiệm vụ của kiểm tra sau thông quan, thanh tra chuyên ngành và trùng lặp các cuộc kiểm tra tại DN, tại Điều 2 Nghị định đã bỏ cụm từ: “sau thông quan” hiện quy định tại khoản 2 Điều 40 ND 08.

NHÓM THỦ TỤC , KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN

4. Về thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập – tái xuất, tạm xuất – tái nhập (từ khoản 23-29 Điều 1 Nghị định)

- Bổ sung thêm đơn vị các đơn hải quan được làm thủ tục đối với loại hàng hóa trên, đảm bảo thực tế phát sinh, tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện đối với quy định về địa điểm làm thủ tục hải quan, cụ thể: Bổ sung thêm chi cục hải quan chuyên phát nhanh, chi cục quản lý doanh nghiệp chế xuất.

- Đồng thời tại Nghị định cũng rà soát, bổ sung thêm các trường hợp tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập được miễn thuế quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

NHÓM THỦ TỤC , KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN

5. Về chính sách quản lý đối với hàng lý vượt tiêu chuẩn miễn thuế của khách nhập cảnh (khoản 31 Điều 1 Nghị định)

Nghị định bổ sung quy định trường hợp hàng lý vượt tiêu chuẩn miễn thuế thuộc danh mục mặt hàng quản lý chuyên ngành thì khi làm thủ tục nhập khẩu không phải xin phép trong trường hợp trị giá hàng hóa không quá 20.000.000 đồng hoặc nếu vượt quá 20.000.000 đ thì phải là vật nguyên chiếc, nguyên đơn vị sản phẩm.

NHÓM THỦ TỤC , KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN

6. Liên quan đến nội dung kiểm tra chuyên ngành (khoản 16 Điều 1 Nghị định)

Tại khoản 1 Điều 33 Nghị định 08 quy định:

Đối với hàng hóa XK, NK, QC, PTVTXNC thuộc đối tượng kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm thì cơ quan hải quan căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành để thực hiện việc kiểm tra theo chỉ định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành hoặc cơ quan hải quan căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành để quyết định việc thông quan.

NHÓM THỦ TỤC , KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN

6. Liên quan đến nội dung kiểm tra chuyên ngành (khoản 16 Điều 1 Nghị định) tiếp

Tại khoản 16 Điều 1 Nghị định sửa đổi:

Cơ quan hải quan căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc căn cứ vào chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định việc thông quan theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành.

Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 2026/QĐ-TTg, tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đã quy định được thông quan hàng hoá, doanh nghiệp nộp/xuất trình cho cơ quan hải quan các chứng từ khác (thay vì nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành).

XÁC ĐỊNH TRƯỚC

1. Quy định hiện hành:

Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá quy định tại Điều 24 Nghị định 08/2015/NĐ-CP

2. Bất cập khi thực hiện:

Quy định tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP: không quy định thời điểm nộp hồ sơ xác định trước so với thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa kể từ ngày nộp đơn đề nghị xác định trước; không quy định hình thức phản hồi của Tổng cục Hải quan về đơn đề nghị xác định trước đối với các mặt hàng đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số đã có văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước

XÁC ĐỊNH TRƯỚC (tiếp)

Nội dung sửa đổi, bổ sung (Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP):

Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân nộp đủ hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đến Tổng cục Hải quan trong thời hạn ít nhất 60 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng; Tổng cục Hải quan có văn bản từ chối đơn đề nghị xác định trước đối với hàng hóa đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số đã có văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước

27

NHÓM VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN

1. Về nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan (khoản 8 Điều 1 Nghị định)

a) Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá đối với hàng xuất khẩu:

- Nghị định 08/2015/NĐ-CP chưa quy định phương pháp xác định trị giá hải quan cho trường hợp không xác định được trị giá hải quan theo hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại.

- Tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP đã bổ sung thêm 3 phương pháp xác định trị giá hải quan hàng xuất khẩu: (1) Trị giá của hàng hóa giống hệt, tương tự trên cơ sở dữ liệu trị giá hải quan; (2) Giá bán hàng hóa giống hệt, tương tự tại thị trường Việt Nam; (3) Giá bán hàng hóa xuất khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại theo quy định sau khi đã quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất.

NHÓM VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN

1. Về nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan (tiếp)

b. Về cửa khẩu xuất:

- Nghị định 08/2015/NĐ-CP chưa quy định cụ thể thể nào là cửa khẩu xuất, theo đó tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP đã bổ sung quy định về cửa khẩu xuất theo từng phương thức vận chuyển: đường biển; đường không; đường sắt; đường bộ, đường thủy nội địa để làm cơ sở xác định trị giá hải quan.

Quy định về cửa khẩu xuất giải quyết vướng mắc trong việc xác định cửa khẩu xuất để làm cơ sở cộng các khoản chi phí liên quan khi xác định trị giá hải quan hàng xuất khẩu

NHÓM VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN

1. Về nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan (tiếp)

c. Về cửa khẩu nhập:

- Nghị định 08/2015/NĐ-CP chưa quy định cửa khẩu nhập đầu tiên thể hiện trên chứng từ cụ thể nào.

- Để đảm bảo tính minh bạch về chứng từ, Nghị định 59/2018/NĐ-CP đã bổ sung chứng từ thể hiện đối với phương thức vận chuyển của cửa khẩu nhập đầu tiên

NHÓM VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN

2. Về kiểm tra, xác định trị giá hải quan (khoản 9 Điều 1 Nghị định)

- Điều 21 ND số 08 quy định đối với cả hai trường hợp (1) cơ quan hải quan đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo hoặc (2) cơ quan hải quan có cơ sở nghi vấn trị giá khai báo thì tùy theo lựa chọn của người khai hải quan để thực hiện *khai bổ sung; tham gia tham vấn hoặc thông quan theo trị giá khai báo và thực hiện kiểm tra sau thông quan.*

- Quy định nêu trên dẫn đến một số các bất cập sau: (i) Không thống nhất về cách xử lý giữa trong thông quan và sau thông quan; (ii) Trùng lặp trong việc kiểm tra, lãng phí nguồn lực; (iii) Tạo ra sự không công bằng giữa những người khai hải quan; không thống nhất về mặt dữ liệu xác định trị giá HQ; (iv) Không thống nhất về thời gian kiểm tra.

NHÓM VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN

2. Về kiểm tra, xác định trị giá hải quan (khoản 9 Điều 1 Nghị định) – tiếp

Nghị định 59/2018/NĐ-CP đã sửa đổi theo hướng:

- Trường hợp cơ quan bác bỏ trị giá khai báo thì:

+ Yêu cầu doanh nghiệp khai bổ sung

+ Trường hợp doanh nghiệp không khai bổ sung trong thời hạn quy định → ban hành quyết định ấn định thuế.

- Trường hợp có nghi vấn về trị giá khai báo, người khai hải quan phải thực hiện tham vấn nhằm làm rõ về tính chính xác của trị giá khai báo

NHÓM VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN

3. Về sử dụng trị giá hải quan để phục vụ công tác thống kê (Điều 22a ND)

Tại nghị định bổ sung thêm điều 22a về công tác thống kê:

Theo đó quy định rõ trách nhiệm của người khai hải quan có trách nhiệm khai báo đầy đủ thông tin về trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng như quy định rõ nội dung, phương pháp tính trị giá thống kê để không hiểu sai về số liệu thống kê.

NHÓM VỀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI XUẤT NHẬP CẢNH (từ khoản 32 đến khoản 49 Điều 1 ND)

Tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP còn có nội dung quy định về thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải chưa phù hợp với pháp luật HQ về quản lý phương tiện XNC như: thời hạn cung cấp hồ sơ cho cơ quan hải quan đối với tàu biển NC, XC, vấn đề này sẽ ảnh hưởng đến đánh giá, phân tích thông tin trong công tác quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu, đặc biệt là công tác kiểm soát, phòng chống buôn lậu, trốn thuế và gian lận thương mại.

Hơn nữa, Luật HQ quy định: "*Chính phủ quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải*". Tuy nhiên, hiện nay thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với phương tiện XC, NC, QC đang được quy định cụ thể tại TT số 42/2015/TT-BTC do vậy, các thủ tục này cần thiết phải quy định tại cấp nghị định.

NHÓM VỀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI XUẤT NHẬP CẢNH (từ khoản 32 đến khoản 49 Điều 1 NB) tiếp

Nội dung quy định tại Nghị định nhằm đảm bảo nội dung quy định tại nghị định một cửa quốc gia và Quyết định của Thủ tướng.... được đồng bộ, tránh xung đột và đảm bảo tính thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ngoài ra, còn quy định một số nội dung sửa đổi bổ sung theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hàng hóa một cách đồng bộ giữa người khai hải quan, cơ quan quản lý nhà nước thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia... dẫn đến rút ngắn thời gian thông quan, cắt giảm chi phí, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

NHÓM VỀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI XUẤT NHẬP CẢNH (từ khoản 32 đến khoản 49 Điều 1 NB) tiếp

Tại Nghị định đã bổ sung một số quy định mới như sau:

1. Đối với phương tiện XNC qua đường hàng không:

- Bổ sung thêm 02 chứng từ khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh.

+ Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR);

+ Thông tin về chuyến bay bao gồm: đường bay, số liệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian xuất cảnh.”

- Bổ sung nội dung hướng dẫn nộp và khai hải quan khi làm thủ tục XNC cho máy bay.

NHÓM VỀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI XUẤT NHẬP CẢNH (từ khoản 32 đến khoản 49 Điều 1 ND) tiếp

2. Đối với phương tiện XNC qua đường biển

a. Bổ sung vào Điều 65 ND 08

- Bổ sung thêm Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

- Bổ sung về hồ sơ tàu chuyển cảng: Người khai hải quan gửi hồ sơ, chứng từ theo quy định tại Điều 95, Điều 97 Nghị định số thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia."

b. Bổ sung vào khoản 4 Điều 66 ND 08/2015/ND-CP:

-Người khai hải quan nộp các chứng từ thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ Tài chính quy định. Trường hợp người khai hải quan không có đầy đủ thông tin về vận đơn thứ cấp thì người phát hành vận đơn thứ cấp gửi thông tin của vận đơn thứ cấp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia

NHÓM VỀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI XUẤT NHẬP CẢNH (từ khoản 32 đến khoản 49 Điều 1 ND) tiếp

- Trường hợp gặp sự cố không thực hiện được các giao dịch điện tử thì người khai hải quan nộp cho cơ quan hải quan các chứng từ giấy chậm nhất 02 giờ kể từ khi tàu biển đã vào neo đậu tại cầu cảng hoặc 04 giờ kể từ khi tàu đã vào neo đậu tại các trí khác trong vùng nước cảng theo kế hoạch điều động. Ngay sau khi hệ thống được phục hồi, người khai hải quan tạo lập và gửi thông tin điện tử lên Cổng thông tin một cửa quốc gia".

NHÓM VỀ DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN (từ khoản 6-7 Điều 1 NB)

Sửa đổi, bổ sung 02 nội dung:

1. Thứ nhất: Tại Điều 78 Luật Hải quan quy định về 3 trường hợp kiểm tra sau thông quan, tuy nhiên không loại trừ doanh nghiệp ưu tiên, thực tế xảy ra trường hợp có doanh nghiệp một năm bị kiểm tra sau thông quan nhiều lần và liên tục.

Để đảm bảo chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp ưu tiên, phù hợp với thông lệ quốc tế, tại Nghị định đã sửa đổi quy định đối với doanh nghiệp ưu tiên, theo đó DNU'T được miễn kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan."

NHÓM VỀ DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN (từ khoản 6-7 Điều 1 NB)

2. Thứ hai:

Về thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

Để rút ngắn thời gian thẩm định so với việc nộp hồ sơ công nhận tại Hải quan địa phương, phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quy định về địa điểm nộp hồ sơ công nhận doanh nghiệp ưu tiên tại trụ sở Tổng cục Hải quan.

NHÓM VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN (khoản 50 Điều 1 NBĐ)

Sửa đổi 02 nội dung:

Thứ nhất: Tại điểm a Khoản 3 Điều 98 quy định Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, quyết định kiểm tra đối với người khai hải quan làm thủ tục hải quan trong phạm vi địa bàn quản lý của mình. Thực tế có nhiều trường hợp Doanh nghiệp có trụ sở chính, mã số thuế tại địa bàn 01 tỉnh, thành phố nhưng có nhiều chi nhánh, cơ sở sản xuất, văn phòng đại diện thuộc các tỉnh, thành phố khác nhau hoặc lại làm thủ tục hải quan, xuất nhập khẩu hàng hóa tại địa bàn tỉnh, thành phố khác. Do vậy, Nghị định đã sửa đổi về thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông:

- Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh đối với người khai hải quan có trụ sở chính hoặc doanh nghiệp có mã số thuế thuộc địa bàn quản lý
- b) Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra trong phạm vi toàn quốc.

NHÓM VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN (khoản 50 Điều 1 NBĐ)

Thứ hai: Tại khoản 6 Điều 98 quy định về trường hợp hết thời hạn 30 cơ quan chuyên môn có thẩm quyền không có ý kiến thì cơ quan hải quan thực hiện ban hành kết luận kiểm tra, tuy nhiên nhằm làm rõ hơn nội dung quy định này, đảm bảo tính chủ động, kịp thời của cơ quan hải quan trong xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan, nghị định đã sửa đổi như sau:

NHÓM VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN (khoản 50 Điều 1 NB)

Đối với trường hợp kết luận kiểm tra cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở kết luận thì thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền phải có ý kiến trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan.

Trường hợp hết thời hạn 30 ngày cơ quan chuyên môn có thẩm quyền không có ý kiến bằng văn bản thì cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra trên cơ sở hồ sơ hiện có.

Bãi bỏ một số Điều

Bãi bỏ:

- Bãi bỏ cụm từ “sau thông quan” tại khoản 2 Điều 40
- Bãi bỏ khoản 4 Điều 61, khoản 5 Điều 66, Điều 58, Điều 78, Điều 80

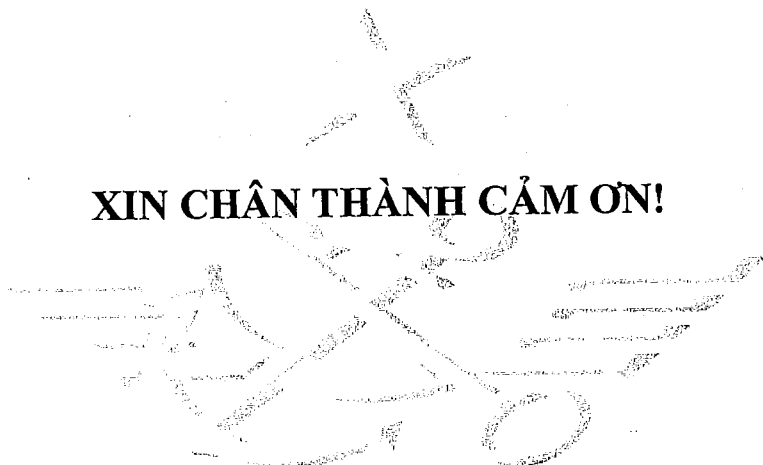
Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ.



HẢI QUAN VIỆT NAM
Thuận lợi, Tận tụy, Chính xác



XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN!





DỰ THẢO THÔNG TƯ XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ HÀNG HÓA

Cục giám sát quản lý
Tổng cục Hải quan
2018

NỘI DUNG CHÍNH

- Bố cục của Thông tư
- Một số nội dung chính

BỘ CỤC CỦA THÔNG TƯ

- 25 Điều
- 05 Chương:
 - ✓ Quy định chung
 - ✓ Hồ sơ xác định trước xuất xứ, nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ (CTCNXX)
 - ✓ Kiểm tra, xác định, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu
 - ✓ Kiểm tra, xác định, xác minh xuất xứ hàng hóa nhập khẩu
 - ✓ Điều khoản thi hành.

MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH

- Trường hợp phải nộp CTCNXX
- Thời điểm nộp CTCNXX
- Cách thức khai báo khi nộp CTCNXX
- Kiểm tra xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu
- Kiểm tra xác minh xuất xứ hàng hóa nhập khẩu.

TRƯỜNG HỢP PHẢI NỘP CTCNXX

TRƯỜNG HỢP PHẢI NỘP CTCNXX

Quy định tại Điều 4, dự thảo Thông tư. Bao gồm:

- Hàng hóa áp dụng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt.
- Hàng hóa thuộc diện quản lý nhập khẩu; hàng hóa đang được thông báo nghi ngờ nhập khẩu từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ trong danh sách bị cấm vận theo Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
- Hàng hóa thuộc diện do Việt Nam hoặc các tổ chức quốc tế thông báo đang ở trong thời điểm có nguy cơ gây hại đến an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng hoặc vệ sinh môi trường cần được kiểm soát.
- Hàng hoá nhập khẩu từ các nước thuộc diện Việt Nam thông báo đang ở trong thời điểm áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ giá, các biện pháp tự vệ, biện pháp hạn ngạch thuế quan, biện pháp hạn chế số lượng.

TRƯỜNG HỢP KHÔNG PHẢI NỘP CTCNXX

Quy định tại Điều 6, dự thảo Thông tư. Bao gồm:

- Hàng hóa xuất khẩu.
- Hàng hóa nhập khẩu không thuộc hàng hóa quy định tại Điều 4 Thông tư.
- Hàng hóa nhập khẩu có trị giá không vượt quá trị giá quy định về miễn nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

TRƯỜNG HỢP KHÔNG PHẢI NỘP CTCNXX

Trường hợp không phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhưng người khai hải quan đề nghị được nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại thời điểm làm thủ tục hải quan thì cơ quan hải quan tiếp nhận và kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định.

THỜI ĐIỂM NỘP CTCNXX

THỜI ĐIỂM NỘP CTCNXX

Quy định tại Điều 7, dự thảo Thông tư. Bao gồm:

- Hàng hóa áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt.
- Hàng hóa thuộc diện quản lý nhập khẩu, hàng hóa có nguy cơ gây hại đến an toàn xã hội, sức khỏe cộng đồng, hàng hóa bị áp dụng các biện pháp hạn chế số lượng

HÀNG HÓA ÁP DỤNG THUẾ SUẤT ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT

- C/O mẫu EAV
- C/O mẫu VK
- CTCNXX khác (các mẫu C/O còn lại và chứng từ tự chứng nhận xuất xứ).

C/O MẪU EAV

- Đối với tờ khai hải quan giấy: tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.
- Đối với tờ khai hải quan điện tử: tại thời điểm làm thủ tục hải quan.

C/O MẪU VK, KV

- Đối với tờ khai hải quan giấy: tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.
- Đối với tờ khai hải quan điện tử: tại thời điểm nộp hồ sơ hải quan.
- Trường hợp không có bản chính C/O tại thời điểm làm thủ tục hải quan, người khai hải quan nộp C/O trong vòng 01 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

CTCNXX KHÁC

- Đối với tờ khai hải quan giấy: tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.
 - Đối với tờ khai hải quan điện tử: tại thời điểm nộp hồ sơ hải quan.
- Trường hợp không có bản chính CTCNXX tại thời điểm làm thủ tục hải quan, người khai hải quan nộp trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

**HÀNG HÓA THUỘC DIỆN QUẢN LÝ NHẬP KHẨU,
VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM HOẶC HẠN CHẾ
SỐ LƯỢNG**

- Đối với tờ khai hải quan giấy: tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.
- Đối với tờ khai hải quan điện tử: tại thời điểm nộp hồ sơ hải quan.

**CÁCH THỨC KHAI BÁO KHI NỘP
CTCNXX**

KHAI BÁO TRÊN TỜ KHAI HẢI QUAN

Quy định tại Điều 5, dự thảo Thông tư. Bao gồm:

- Nộp tại thời điểm làm thủ tục hải quan:
 - Nộp sau thời điểm làm thủ tục hải quan:
-

NỘP TẠI THỜI ĐIỂM LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

- Tờ khai hải quan giấy: khai số tham chiếu và ngày cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại ô “Chứng từ đi kèm”.
- Tờ khai hải quan điện tử: khai số tham chiếu và ngày cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại ô “Phản ghi chú”.

NỘP SAU THỜI ĐIỂM LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

- Đối với tờ khai hải quan giấy:
 - ✓ Người khai hải quan khai chậm nộp tại ô “Chứng từ đi kèm” trên tờ khai hải quan.
 - ✓ Khi nộp bổ sung CTCNXX, người khai hải quan khai bổ sung số tham chiếu và ngày cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại mục 4 Mẫu số 03/KBS/GSQL - Phụ lục V ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
- Đối với tờ khai hải quan điện tử:
 - ✓ Người khai hải quan khai chậm nộp tại ô “Phần ghi chú” trên tờ khai hải quan điện tử.
 - ✓ Khi nộp bổ sung CTCNXX, người khai hải quan khai số tham chiếu và ngày cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ tại ô “Phần ghi chú” trên tờ khai bổ sung sau thông quan

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH, XÁC MINH XUẤT XỨ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

- Trường hợp có cơ sở nghi ngờ khai báo xuất xứ hàng hóa hoặc trên cơ sở thông tin cảnh báo về chuyển tải bất hợp pháp thì yêu cầu người khai hải quan cung cấp chứng từ chứng minh.
- Trường hợp người khai hải quan xuất trình được chứng từ chứng nhận xuất xứ (nếu có) nhưng nghi ngờ về tính hợp lệ của chứng từ thì tiến hành xác minh với cơ quan cấp C/O (Bộ Công Thương hoặc VCCI).
- Trường hợp không xuất trình được chứng từ chứng minh hoặc chứng từ cung cấp không đủ cơ sở xác định xuất xứ hàng hóa thì tiến hành xác minh tại cơ sở sản xuất hàng hóa.
- Trong khi chờ kết quả kiểm tra, xác minh, hàng hóa được thực hiện thủ tục hải quan và thông quan theo quy định.

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH, XÁC MINH XUẤT XỨ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

- Thủ tục tiến hành xác minh với cơ quan cấp CTCNXX.
- Thủ tục tiến hành kiểm tra tại cơ sở sản xuất.
- Xử lý kết quả kiểm tra, xác minh.
- Quy định thời gian xác minh, kiểm tra, nội dung, cách thức xác minh kiểm tra và xử lý kết quả.
- Quy định tại Điều 8 đến Điều 12 dự thảo Thông tư.

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH, XÁC MINH XUẤT XỨ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

- Các tiêu chí cần khai báo trên C/O không ưu đãi.
- Các trường hợp khác biệt nhỏ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của CTCNXX.
- C/O giáp lưng, giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ.
- Hàng hóa chuyển đổi mục đích sử dụng.
- Đăng ký nhiều tờ khai cho một lô hàng.
- Trừ lùi C/O.
- Xử lý đối với trường hợp không nộp CTCNXX theo quy định hoặc CTCNXX bị từ chối vì không hợp lệ.
- Xử lý trong các trường hợp tiến hành xác minh tính hợp lệ CTCNXX.

TIÊU CHÍ KHAI BÁO TRÊN C/O KHÔNG ƯU ĐÃI

- Người xuất khẩu;
- Người nhập khẩu;
- Phương tiện vận tải;
- Mô tả hàng hóa, mã số hàng hóa;
- Số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng hàng hóa;
- Nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ xuất xứ hàng hóa;
- Ngày/tháng/năm cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa;
- Chữ ký người xin cấp C/O.

CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC BIỆT NHỎ TRÊN CTCNXX

- Lỗi chính tả hoặc đánh máy;
- Khác biệt trong cách đánh dấu tại các ô trên C/O;
- Khác biệt nhỏ giữa chữ ký trên C/O và chữ ký mẫu;
- Khác biệt về đơn vị đo lường trên C/O và các chứng từ khác (hóa đơn, vận tải đơn,...);
- Sự khác biệt giữa khổ giấy của C/O nộp cho cơ quan hải quan với mẫu C/O theo quy định;
- Sự khác biệt về màu mực (đen hoặc xanh) của các nội dung khai báo trên C/O;
- Sự khác biệt nhỏ trong mô tả hàng hóa trên chứng từ chứng nhận xuất xứ và chứng từ khác;
- Sự khác biệt mã số trên C/O với mã số trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu nhưng không làm thay đổi bản chất xuất xứ hàng hóa.
- Các khác biệt nhỏ khác theo thỏa thuận tại Điều ước quốc tế.

GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNG HÓA KHÔNG THAY ĐỔI XUẤT XỨ

Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ là Giấy chứng nhận cấp cho hàng hóa nước ngoài được đưa vào kho ngoại quan của Việt Nam, sau đó xuất khẩu đi nước khác, đưa vào nội địa trên cơ sở Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã được cấp đầu tiên. (Khoản 6, Điều 3, Nghị định 31/2018/NĐ-CP)

HÀNG HÓA CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Điều 17, dự thảo Thông tư

- Trường hợp làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng từ đối tượng miễn thuế, không chịu thuế sang đối tượng chịu thuế, người khai hải quan có thể nộp CTCNXX để được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt.
- Trường hợp người khai hải quan đã nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại thời điểm đăng ký tờ khai nhập khẩu ban đầu, cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa tại thời điểm đăng ký tờ khai nhập khẩu ban đầu để xem xét áp dụng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt.
- Hàng hóa phải được xác định chưa tham gia vào quá trình sản xuất, chế biến (đảm bảo tính nguyên trạng về xuất xứ) kể từ thời điểm đăng ký tờ khai nhập khẩu ban đầu. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa còn hiệu lực tại thời điểm làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng, trừ trường hợp có quy định khác .

ĐĂNG KÝ NHIỀU TỜ KHAI VỚI NHIỀU LOẠI HÌNH KHÁC NHAU

Điều 17, dự thảo Thông tư

Trường hợp tại cùng một thời điểm, người khai hải quan đăng ký nhiều tờ khai với nhiều loại hình khác nhau tại 01 Chi cục Hải quan, cho cùng một lô hàng được cấp chung một chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, cơ quan hải quan kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa để xác định xuất xứ hàng hóa và áp dụng chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho toàn bộ hàng hóa nhập khẩu.

TRỪ LÙI C/O

Điều 23 dự thảo Thông tư

- Trường hợp một lô hàng đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan để nhập khẩu vào nội địa nhiều lần thì được sử dụng C/O tổng để lập phiếu theo dõi trừ lùi cho từng lần nhập khẩu vào nội địa và được áp dụng trừ lùi tại nhiều Chi cục Hải quan khác nhau.
- Trường hợp lô hàng đăng ký tờ khai một lần theo quy định tại Điều 93 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và khoản 60 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC thì được sử dụng C/O tổng để lập phiếu theo dõi trừ lùi cho từng lần nhập khẩu vào nội địa và được áp dụng trừ lùi.

CHỨNG TỪ CHỨNG MINH VẬN TẢI TRỰC TIẾP

Điều 18, dự thảo Thông tư

- Chứng từ do cơ quan hải quan nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ quá cảnh xác nhận về việc hàng hóa nằm dưới sự giám sát của cơ quan hải quan và chưa làm thủ tục nhập khẩu vào nội địa của nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ;
- Giấy xác nhận của chính cơ quan, tổ chức phát hành vận đơn cho lô hàng nhập khẩu. Đối với giấy xác nhận phát hành bởi Công ty con, Chi nhánh hay đại lý của Công ty vận tải, tổ chức phát hành vận đơn cho lô hàng tại Việt Nam thì cần thêm giấy ủy quyền của chính hãng vận tải
- Trong trường hợp hàng hóa được vận chuyển nguyên container, số container, số chỉ không thay đổi từ khi xếp hàng lên phương tiện vận tải tại cảng xếp hàng thì chấp nhận chứng từ chứng minh vận tải trực tiếp là vận đơn và thông tin tra cứu trên e-manifest trong đó thể hiện số container, số chỉ không thay đổi.

TRƯỜNG HỢP KHÔNG NỘP HOẶC BỊ TỪ CHỐI CTCNXX VÌ KHÔNG HỢP LỆ

- Hàng hóa không được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt hoặc bị áp dụng thuế suất tự vệ, chống bán phá giá hoặc các biện pháp hạn chế số lượng đối với trường hợp hàng hóa phải nộp CTCNXX để được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt hoặc chứng minh hàng hóa không thuộc diện bị áp dụng thuế suất tự vệ, chống bán phá giá hoặc các biện pháp hạn chế số lượng.
- Hàng hóa không được thông quan đối với trường hợp hàng hóa phải nộp CTCNXX để đủ điều kiện được nhập khẩu.

Trường hợp người khai hải quan không nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhưng được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam kết luận kiểm tra, xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu hoặc cho phép nhập khẩu theo pháp luật chuyên ngành thì cơ quan hải quan thực hiện thông quan theo quy định.

THỜI HẠN XÁC MINH TÍNH HỢP LỆ CỦA CTCNXX

- Quá trình xác minh được thực hiện trong thời hạn không quá một trăm năm mươi (180) ngày kể từ ngày Tổng cục Hải quan gửi đề nghị xác minh, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định thời gian xác minh dài hơn. Quá thời hạn này mà cơ quan hải quan không nhận được kết quả xác minh, chứng từ chứng nhận xuất xứ sẽ bị từ chối theo quy định.
- Trường hợp cơ quan hải quan nhận được thông báo kết quả xác minh quá thời hạn quy định, trên cơ sở quá trình trao đổi, kết quả xác minh, giải trình của cơ quan, tổ chức hoặc người sản xuất, người xuất khẩu phát hành chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc cơ quan hải quan của nước xuất khẩu để xử lý.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng Xuất xứ-SHTT, Cục GSQL-TCHQ

Tel: 024 39440833 extend 8802, 8805 & 8812,
8806, 8815, 8805 & 8809.

E-mail: co@customs.gov.vn



XIN CẢM ƠN

THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

**THÔNG TƯ SỐ 38/2015/TT-BTC NGÀY 25/3/2015 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ
TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN; KIỂM TRA, GIÁM
SÁT HẢI QUAN; THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU VÀ QUẢN LÝ
THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**



HẢI QUAN VIỆT NAM
Chuyên nghiệp, Minh bạch, Hiệu quả



**GIỚI THIỆU NHỮNG NỘI DUNG MỚI CỦA
THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THÔNG TƯ 38/2015/TT-BTC**

TỔNG CỤC HẢI QUAN

Hội nghị giới thiệu Nghị định 59/2018/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn thực hiện
Hà Nội, 05/2018

CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;
- Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/04/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ.



HIỆU LỰC THI HÀNH: 05/06/2018



Chuyên nghiệp – Minh bạch – Hiệu quả



BỔ CỤC, KẾT CẤU CỦA THÔNG TƯ 38 SỬA ĐỔI

Thông tư 38 sửa đổi bao gồm 5 Điều như sau:

Điều 1 - Các Điều, khoản sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 38/2015/TT-BTC

Điều 2 – Các Nội dung bãi bỏ

Điều 3 – Điều khoản chuyển tiếp

Điều 4 – Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 5 – Hiệu lực thi hành



HẢI QUAN VIỆT NAM
Chuyên nghiệp, Minh bạch, Hiệu quả



NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

**LIÊN QUAN ĐẾN THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA,
GIÁM SÁT HẢI QUAN**

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ

1. HỒ SƠ HẢI QUAN (Điều 16)

Quy định hiện hành

- Hiện tại hồ sơ hải quan đang được quy định rải rác tại một số Điều của Thông tư 38/2015/TT-BTC:

- + Điều 16: hồ sơ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- + Điều 82: hồ sơ hàng hóa KDTNTX;
- + Điều 86: hồ sơ hàng hóa XNKTC;
- + Điều 142: hồ sơ KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan...

- Các chứng từ phải nộp, xuất trình khi làm thủ tục hải quan hiện đang quy định tại Khoản 2 Điều 3: nhưng không liệt kê mà chỉ quy định chung chung là “hồ sơ hải quan, hồ sơ miễn thuế...”

- Các chứng từ phải lưu tại trụ sở doanh nghiệp quy định tại khoản 5 Điều 3.

1. HỒ SƠ HẢI QUAN (tiếp)

Bất cập khi thực hiện

Do quy định về hồ sơ hải quan được quy định ở nhiều Điều, khoản nên gặp một số bất cập khi thực hiện :

- *Khó tra cứu;*
- *Khó xác định chính xác số lượng chứng từ phải nộp khi làm thủ tục hải quan?*
- *Khó xác định chính xác chứng từ phải lưu tại trụ sở doanh nghiệp có bao gồm các chứng từ đã nộp cho cơ quan hải quan không?*
- *Ngoài các chứng từ đã nộp khi làm thủ tục hải quan thì phải lưu những chứng từ nào? Những chứng từ nào không cần phải lưu?*

1. HỒ SƠ HẢI QUAN (tiếp)

Nội dung sửa đổi, bổ sung (Khoản 5, 6 Điều 1 Thông tư 38 sửa)

Thay thế Điều 16 – Hồ sơ hải quan thành Điều 16 và Điều 16a
- Điều 16a. Lưu giữ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

+ Liệt kê tất cả các chứng từ mà người khai hải quan cần phải lưu giữ và xuất trình cho cơ quan hải quan khi kiểm tra sau thông quan hoặc thanh tra chuyên ngành.

+ Người khai hải quan có trách nhiệm lưu giữ tất cả các chứng từ nêu tại Điều 16a và xuất trình cho cơ quan hải quan khi kiểm tra sau thông quan hoặc thanh tra chuyên ngành.

=> Dễ dàng cho người khai hải quan và cả cơ quan hải quan biết chính xác những chứng từ phải lưu giữ và những chứng từ được kiểm tra. **Đảm bảo tính minh bạch.**

1. HỒ SƠ HẢI QUAN (tiếp)

Nội dung sửa đổi, bổ sung (Khoản 5, 6 Điều 1 Thông tư 38 sửa)

Thay thế Điều 16 – Hồ sơ hải quan thành Điều 16 và Điều 16a
- Điều 16. Hồ sơ hải quan khi làm thủ tục hải quan

Trong những chứng từ thuộc hồ sơ hải quan quy định tại Điều 16, khi thực hiện thủ tục hải quan, cơ quan hải quan cần kiểm tra chứng từ nào thì mới quy định cụ thể tại Điều 16a theo nguyên tắc các chứng từ phải nộp trong khi làm thủ tục hải quan chỉ là những chứng từ thực sự cần thiết trong quản lý hải quan.

=> Giảm thiểu hồ sơ hải quan phải nộp cho cơ quan hải quan, đẩy nhanh thời gian kiểm tra để thông quan nhanh hàng hóa.

Đơn giản hóa hồ sơ hải quan và đảm bảo minh bạch trong quy định.

1. HỒ SƠ HẢI QUAN (tiếp)

Nội dung sửa đổi, bổ sung (Khoản 5, 6 Điều 1 Thông tư 38 sửa)

Một số thay đổi đối với hồ sơ hải quan xuất khẩu khi làm thủ tục hải quan

- Bổ sung:

- + Hóa đơn thương mại đổi trong trường hợp người mua phải thanh toán cho người bán
 - + Định mức kỹ thuật đối với trường hợp XK mã sản phẩm GC, mã sản phẩm SXXK lần đầu tiên trừ DNU'T và DN đã kết nối với cơ quan hải quan
 - + Bảng kê chi tiết lâm sản đối với gỗ nguyên liệu XK
- Đưa các quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành vào để đảm bảo tính minh bạch:
- + Chứng từ xác nhận tổ chức, cá nhân đủ điều kiện xuất khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư;
 - + Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành

2. NỘP HỒ SƠ HẢI QUAN DƯỚI DẠNG ĐIỆN TỬ (Điều 3, Điều 18)

Quy định hiện hành

Khoản 2 Điều 3: người khai hải quan có thể lựa chọn nộp hồ sơ hải quan dưới dạng giấy hoặc dạng điện tử

Bất cập khi thực hiện

- Việc nộp hồ sơ giấy gây mất thời gian, tăng chi phí cho DN, đồng thời chưa đảm bảo được việc cải cách thủ tục hành chính theo hướng điện tử, hạn chế tiếp xúc giữa DN và cơ quan hải quan;
- Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan không có cơ sở để tự động phân tích thông tin khai hải quan để hỗ trợ công chức hải quan trong việc kiểm tra hồ sơ hải quan và xác định trọng điểm kiểm tra sau thông quan.

2. NỘI DUNG HỒ SƠ HẢI QUAN DƯỚI DẠNG ĐIỆN TỬ

Nội dung sửa đổi, bổ sung

- Nộp hồ sơ dưới dạng điện tử (trừ một số chứng từ theo quy định là bản chính như C/O, giấy phép...): có thể ở dạng dữ liệu điện tử hoặc chứng từ giấy được chuyển đổi sang chứng từ điện tử (bản scan có xác nhận bằng chữ ký số);

- Nộp hồ sơ điện tử cùng thời điểm đăng ký tờ khai.

Lợi ích

- **Đối với doanh nghiệp:**

+ giảm thời gian khai báo và cung cấp đầy đủ thông tin hơn cho cơ quan hải quan để có cơ sở đánh giá tuân thủ;

+ giảm số lượng tờ khai phải KTSTQ.

- **Đối với cơ quan hải quan:**

+ Xử lý việc kiểm tra hồ sơ nhanh chóng, chính xác => giảm thời gian thông quan;

+ Công tác KTSTQ đúng trọng tâm, trọng điểm => giảm chi phí KTSTQ cho cả hải quan và doanh nghiệp.

3. KHAI HẢI QUAN (Điều 18)

a) Khai tiêu chí vận đơn trên tờ khai hải quan

Quy định hiện hành

- **Điều 18:** hướng dẫn các nguyên tắc khai báo đối với TK hải quan.

- **Phụ lục II:** hướng dẫn khai báo các chỉ tiêu thông tin trên TKHQ.

Bắt cập khi thực hiện

- **Đối với cộng đồng doanh nghiệp:** Chưa hỗ trợ cho người khai hải quan trong việc tra cứu, quản lý hàng hóa XNK, xử lý các sai sót trong quá trình khai báo

- **Đối với DN kinh doanh cảng, kho, bãi:** Việc kết nối được thông tin hàng hóa dỡ xuống bãi cảng với thông tin được phép đưa qua KVGS thiếu chính xác. Khó áp dụng quy trình thực hiện thủ tục lấy hàng online của cảng nhất là hàng xuất khẩu.

3. KHAI HẢI QUAN (tiếp)

a) Khai tiêu chí vận đơn trên tờ khai hải quan (tiếp)

Nội dung sửa đổi, bổ sung

- **Đối với hàng hóa nhập khẩu:** Một vận đơn phải được khai báo trên một tờ khai hải quan nhập khẩu. Trường hợp một vận đơn khai báo cho nhiều tờ khai hải quan hoặc hàng hóa nhập khẩu không có vận đơn thì người khai hải quan thực hiện tách vận đơn để khai báo. *Việc tách vận đơn được thực hiện trên Hệ thống và hoàn toàn do người tách vận đơn tự xác định và chịu trách nhiệm, cơ quan hải quan không phê duyệt.*

- **Đối với hàng hóa xuất khẩu:** thực hiện lấy số quản lý hàng hóa xuất khẩu trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để khai tại tiêu chí số vận đơn. Hệ thống cấp số tự động, cơ quan hải quan không phê duyệt.

3. KHAI HẢI QUAN (tiếp)

b) Khai thông tin hàng hóa đóng chung container XK của cùng một chủ hàng

Quy định hiện hành

- Chưa có quy định tại các văn bản pháp lý mà chỉ có ở các văn bản hướng dẫn.
- Việc thông báo thông tin hàng hóa đóng chung container XK thực hiện dưới dạng công văn giấy.

Bắt cập khi thực hiện

Khó khăn trong công tác quản lý tự động thông tin hàng hóa đóng chung container.

Nội dung sửa đổi, bổ sung

Điện tử hóa công văn thông báo hàng hóa đóng chung container xuất khẩu của cùng một chủ hàng.

Lưu ý: hàng hóa đóng chung container của nhiều chủ hàng phải đưa vào kho CFS.

3. KHAI HẢI QUAN (tiếp)

c) Thời điểm nộp giấy phép khi thực hiện thủ tục hải quan

Quy định hiện hành

Khoản 1 Điều 4 Nghị định 187/2013/NĐ-CP quy định “Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, thương nhân muốn xuất khẩu, nhập khẩu phải có giấy phép”.

Lý do sửa đổi, bổ sung

Nghị định số 59/2018/NĐ-CP quy định: “Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thì phải có giấy phép trước khi đăng ký tờ khai...”.

Nội dung sửa đổi, bổ sung

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thì phải có giấy phép trước khi đăng ký tờ khai hải quan và phải đầy đủ thông tin giấy phép trên tờ khai hải quan theo hướng dẫn tại mẫu số 01 hoặc mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này.

3. KHAI HẢI QUAN (tiếp)

d) Khai hải quan trong trường hợp Hệ thống gặp sự cố

Quy định hiện hành

Chưa có quy định cụ thể khi Hệ thống khai của người khai hải quan gặp sự cố thì thực hiện thủ tục tiếp theo như thế nào?

Lý do sửa đổi, bổ sung

Nghị định số 59/2018/NĐ-CP quy định: “Trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan có văn bản thông báo cho Chi cục hải quan nơi dự kiến làm thủ tục hải quan....”

Nội dung sửa đổi, bổ sung

- Quy định cụ thể mẫu thông báo sự cố để thực hiện thống nhất;
- Mẫu thông báo có các thông tin cụ thể:
 - + Tên và nguyên nhân sự cố;
 - + Thời gian khắc phục sự cố;
 - + Phương thức thực hiện TTHQ trong thời gian sự cố: thực hiện thông qua đại lý hải quan hoặc sử dụng phòng khai của cơ quan hải quan.

4. THỜI ĐIỂM THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÂN LUỒNG TỜ KHAI (Điều 19)

Quy định hiện hành

Theo quy định tại các văn bản QPPL hiện tại (Luật Hải quan 2014, Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Thông tư 38/2015/TT-BTC) không có quy định cụ thể về thời điểm thông báo kết quả phân luồng đến người khai hải quan.

Lý do sửa đổi, bổ sung

- Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm 13 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP giao "**Bộ Tài chính quy định cụ thể thời điểm thông báo việc kiểm tra hải quan trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan**" (hay còn gọi là thời điểm thông báo kết quả phân luồng tờ khai).

- Nghị quyết 19-2017/NQ-CP yêu cầu cơ quan hải quan "Nâng cấp, hoàn thiện cơ chế quản lý rủi ro, thực hiện phân luồng trước khi hàng đến cảng để giải quyết thông quan hoặc giải phóng hàng hóa ngay khi đến cảng".

4. THỜI ĐIỂM THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÂN LUỒNG TỜ KHAI (tiếp)

Nội dung sửa đổi, bổ sung (khoản 8 Điều 1 Thông tư 38 sửa)

Trên cơ sở quản lý rủi ro, tập trung vào các đối tượng có rủi ro cao quy định thời điểm thông báo kết quả phân luồng tờ khai như sau:

- Thông báo kết quả phân luồng ngay khi đăng ký tờ khai (dự kiến gần 90%)
 - + hàng hóa xuất khẩu; hàng hóa của DNUT;
 - + hàng hóa nhập khẩu phục vụ hoạt động **trực tiếp** sản xuất; gia công, SXKK, chế xuất;
 - + hàng hóa nhập khẩu đưa từ khu phi thuế quan vào nội địa; hàng hóa XNKTC; hàng hóa nhập khẩu thay đổi, mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa.
- Thông báo kết quả phân luồng sau khi hàng hóa đã tập kết tại địa bàn giám sát hải quan (dự kiến khoảng 10%)

5. KHAI BỔ SUNG HỒ SƠ HẢI QUAN (Điều 20)

a) Thời điểm khai bổ sung

Quy định hiện hành

Theo quy định tại điểm a khoản 4 Luật Hải quan thì người khai hải quan được khai bổ sung trước thời điểm cơ quan hải quan thông báo kiểm tra trực tiếp hồ sơ hải quan; Tại điểm a khoản 1 Thông tư 38 có mở rộng hơn so với Luật, cho phép người khai hải quan được khai bổ sung sau khi phân luồng tờ khai nhưng trước thời điểm cơ quan hải quan thực hiện việc kiểm tra trực tiếp hồ sơ.

Dự kiến sửa đổi, bổ sung

Đề phù hợp Luật Hải quan 2014, sửa đổi thời điểm khai bổ sung như sau:

“a.1) Người khai hải quan được khai bổ sung hồ sơ hải quan trước thời điểm cơ quan hải quan thông báo kết quả phân luồng tờ khai cho người khai hải quan;”

5. KHAI BỔ SUNG HỒ SƠ HẢI QUAN

b) Các trường hợp khai bổ sung

Quy định hiện hành

Chưa phân biệt cụ thể các trường hợp được khai bổ sung trong thông quan và sau khi hàng hóa đã được thông quan

Nội dung sửa đổi, bổ sung

Phân biệt cụ thể các trường hợp được khai bổ sung trong thông quan và sau khi hàng hóa đã được thông quan, chi tiết tại khoản 1 Điều 20 để dễ thực hiện.

5. KHAI BỔ SUNG HỒ SƠ HẢI QUAN

b) Thủ tục khai bổ sung

Quy định hiện hành

Quy định hồ sơ, thủ tục và thời gian xử lý chung cho tất cả các loại khai bổ sung, không phân biệt trường hợp đơn giản, phức tạp và chưa phù hợp hoàn toàn với những phương thức mua bán hiện có theo tập quán thương mại quốc tế.

Nội dung sửa đổi, bổ sung

Quy định cụ thể thủ tục cho từng trường hợp:

- trường hợp có thỏa thuận mua, bán nguyên lô, nguyên tàu và có thỏa thuận về dung sai và cấp độ thương mại;
- Trường hợp gửi thừa hàng, nhầm hàng;
- Trường hợp gửi thiếu hàng sau khi tờ khai đã thông quan;
- Các trường hợp khác.

HƯỚNG DẪN XỬ LÝ KHI ĐƯA HÀNG QUA KVGs NHƯNG CÓ SỰ SAI LỆCH VỀ SỐ LƯỢNG, TRỌNG LƯỢNG ĐỐI VỚI HÀNG XÁ, HÀNG RỜI

Nội dung sửa đổi, bổ sung

Căn cứ Phiếu cân hàng của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng hoặc Biên bản nhận hàng có đại diện người bán ký xác nhận hoặc Biên bản ghi nhận tại hiện trường giám định về số lượng, trọng lượng do người khai hải quan xuất trình, hải quan giám sát kiểm tra và xác nhận:

- **Đối với hàng hóa thuộc diện phải có giấy phép:** chỉ xác nhận cho phép lượng hàng tương ứng với giấy phép qua KVGs;
- **Đối với hàng hóa KHÔNG thuộc diện phải có giấy phép, có thỏa thuận mua nguyên lô, nguyên tàu và có thỏa thuận về dung sai và cấp độ thương mại:** căn cứ chứng từ chứng minh về việc mua nguyên lô, nguyên tàu để xác nhận lượng hàng thực tế sẽ qua KVGs.

Người khai hải quan có trách nhiệm khai bổ sung sau 05 ngày làm việc kể từ ngày hàng hóa được đưa toàn bộ qua KVGs.

KHAI BỔ SUNG TRONG TRƯỜNG HỢP GỬI THỪA HÀNG, NHÂM HÀNG**Quy định hiện hành**

Chưa có quy định riêng hướng dẫn cụ thể trường hợp này.

Nội dung sửa đổi, bổ sung**Quy định thủ tục thực hiện đối với từng trường hợp gửi nhâm, gửi thừa**

- a) Trường hợp người gửi hàng gửi thừa số lượng hàng hóa theo hợp đồng nhưng không làm thay đổi số lượng mặt hàng và người nhận hàng chấp nhận việc gửi thừa hàng;
- b) Trường hợp người gửi hàng gửi thừa chủng loại hàng hóa so với hợp đồng (làm thay đổi số lượng mặt hàng) và người nhận hàng chấp nhận việc gửi thừa hàng;
- c) Trường hợp gửi nhâm toàn bộ hàng hóa (từ hàng hóa này thành hàng hóa khác)

KHAI BỔ SUNG TRONG TRƯỜNG HỢP GỬI THỪA HÀNG, NHÂM HÀNG

a) Trường hợp người gửi hàng gửi thừa số lượng hàng hóa theo hợp đồng nhưng không làm thay đổi số lượng mặt hàng và người nhận hàng chấp nhận việc gửi thừa

-**Người khai hải quan:** nộp các chứng từ chứng minh theo quy định;

-**Cơ quan hải quan:**

+ Kiểm tra thực tế nếu hàng đang trong địa bàn giám sát hải quan (bao gồm cả trường hợp đưa hàng về bảo quản);

+ Trường hợp hàng hóa đã đưa qua KVGS thì người khai hải quan phải có văn bản xác nhận của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định.

+ **Xử lý kết quả kiểm tra:**

Kết quả kiểm tra thực tế phù hợp hoặc hồ sơ phù hợp: chấp nhận;

Kết quả kiểm tra không phù hợp: xác minh trong nước tối đa 10 ngày làm việc và xử lý tiếp.

7. KHAI BỔ SUNG TRONG TRƯỜNG HỢP GỬI THỪA HÀNG, NHẦM HÀNG

b) Trường hợp người gửi hàng gửi thừa chủng loại hàng hóa so với hợp đồng (làm thay đổi số lượng mặt hàng) và người nhận hàng chấp nhận việc gửi thừa hàng

- Người khai hải quan: nộp các chứng từ chứng minh theo quy định;

- Cơ quan hải quan:

+ Thực hiện như điểm a.

+ Nếu kết quả xác minh trong nước không đủ cơ sở để xác định tính phù hợp của hồ sơ khai bổ sung thì gửi thông tin để TCHQ xác minh ở nước ngoài trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả xác minh trong nước.

Trường hợp phức tạp được gia hạn tối đa 2 lần, mỗi lần không quá 15 ngày

KHAI BỔ SUNG TRONG TRƯỜNG HỢP GỬI THỪA HÀNG, NHẦM HÀNG

c) Trường hợp gửi nhầm toàn bộ hàng hóa (từ hàng hóa này thành hàng hóa khác)

- Người khai hải quan: nộp các chứng từ chứng minh theo quy định;

- Cơ quan hải quan:

+ Kiểm tra thực tế nếu hàng đang trong địa bàn giám sát hải quan (bao gồm cả trường hợp đưa hàng về bảo quản);

+ Trường hợp hàng hóa đã đưa qua KVGS thì người khai hải quan phải có văn bản xác nhận của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định.

+ Xử lý kết quả kiểm tra:

Kết quả kiểm tra thực tế phù hợp hoặc hồ sơ phù hợp: chấp nhận;

Kết quả kiểm tra không phù hợp: xác minh ở NƯỚC NGOÀI trong thời gian tối đa 90 ngày làm việc. Được gia hạn tối đa 2 lần, mỗi lần không quá 90 ngày. Khi có kết quả thì xử lý tiếp.

KHAIBỔ SUNG STQ TRONG TRƯỜNG HỢP GỬI THIẾU HÀNG VÀ HÀNG HÓA CHƯA ĐƯA HOẶC ĐƯA MỘT PHẦN RA KHỎI KVGs

Quy định hiện hành

Chưa có quy định riêng hướng dẫn cụ thể trường hợp này.

Nội dung sửa đổi, bổ sung

- **Người khai hải quan:** nộp các chứng từ chứng minh theo quy định trong đó có kết quả giám định về số lượng hàng nhập khẩu thực tế.

- **Cơ quan hải quan:**

+ Kiểm tra thực tế nếu hàng đang trong địa bàn giám sát hải quan (bao gồm cả trường hợp đưa hàng về bảo quản);

+ Kiểm tra sự phù hợp giữa các chứng từ.

+ **Xử lý kết quả kiểm tra:**

Kết quả kiểm tra thực tế phù hợp hoặc hồ sơ phù hợp: chấp nhận;

Kết quả kiểm tra không phù hợp: xác minh ở **trong nước** trong thời gian tối đa 10 ngày làm việc. Nếu xác định hồ sơ khai bổ sung không đúng thì xử lý theo quy định.

6. KHAIBỔ SUNG MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG (Điều 21)

Quy định hiện hành và nội dung sửa đổi

- Cung cấp số tờ khai chuyển đổi mục đích sử dụng khi đã quá thời hạn lưu giữ hồ sơ (quá 5 năm) hoặc hàng hóa là công cụ dụng cụ chưa phân bổ toàn bộ giá trị vào chi phí sản xuất và vẫn còn trong thời gian lưu giữ hồ sơ...=> **Không phải cung cấp số tờ khai.**

- Với những nguyên liệu, vật tư khi chuyển đổi mục đích sử dụng đã chuyển hóa thành sản phẩm thì thực hiện kê khai thuế, chính sách mặt hàng như thế nào? => **Khai 2 dòng hàng riêng biệt trên tờ khai mới (1 dòng cho nguyên liệu ban đầu, 1 dòng cho sản phẩm hoàn chỉnh).**

+ khai thuế cho dòng hàng khai nguyên liệu; không khai thuế cho dòng hàng sản phẩm;

+ **Chính sách mặt hàng: chỉ áp dụng với sản phẩm hoàn chỉnh.**

- Thay đổi mục đích sử dụng bằng hình thức chuyển nhượng cho đối tượng thuộc diện không chịu thuế, miễn thuế thì thực hiện thủ tục như thế nào? => **Người nhận chuyển nhượng đăng ký tờ khai thay đổi mục đích sử dụng nhưng không phải kê khai thuế.**

7. HỦY TỜ KHAI HẢI QUAN (Điều 22)

Quy định hiện hành

Khoản 1 Điều 22 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, trong đó quy định một số trường hợp cơ quan hải quan sẽ tự hủy tờ khai khi quá hạn 15 ngày mà người khai hải quan chưa có hàng hóa đưa vào khu vực giám sát hải quan hoặc chưa thực hiện thủ tục kiểm tra hải quan với cơ quan hải quan.

Lý do sửa đổi, bổ sung

- Chưa có quy định về việc hàng hóa nhập khẩu đã đăng ký tờ khai, chưa hoàn thành thủ tục hải quan nhưng có nhu cầu tái xuất.
- Quy định cụ thể các trường hợp hủy tờ khai và điện tử hóa thủ tục hủy tờ khai.

7. HỦY TỜ KHAI HẢI QUAN

Nội dung sửa đổi, bổ sung

a) Các trường hợp hủy tờ khai khi hết thời hạn có giá trị làm thủ tục hải quan

- Đối với tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu:

Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu mà không có hàng nhập khẩu đến cửa khẩu nhập.

- Đối với tờ khai hàng hóa xuất khẩu:

+ Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa được miễn kiểm tra hồ sơ và miễn kiểm tra thực tế nhưng chưa đưa vào khu vực giám sát hải quan tại cửa khẩu xuất;

+ Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa phải kiểm tra hồ sơ nhưng người khai hải quan chưa nộp hồ sơ hải quan hoặc đã hoàn thành thủ tục hải quan nhưng hàng hóa chưa đưa vào khu vực giám sát hải quan tại cửa khẩu xuất;

+ Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa phải kiểm tra thực tế nhưng người khai hải quan chưa nộp hồ sơ và xuất trình hàng hóa để cơ quan hải quan kiểm tra;

7. HỦY TỜ KHAI HẢI QUAN

b) Các trường hợp hủy tờ khai theo yêu cầu của người khai hải quan

- Tờ khai hải quan xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan, đã có hàng hóa đưa vào khu vực giám sát hải quan nhưng người khai hải quan đề nghị đưa trở lại nội địa để sửa chữa, tái chế;
- Tờ khai hải quan xuất khẩu tại chỗ đã thông quan hoặc giải phóng hàng nhưng người xuất khẩu hoặc người nhập khẩu hủy giao dịch xuất khẩu, nhập khẩu;
- Tờ khai hải quan xuất khẩu đã thông quan hoặc giải phóng hàng nhưng thực tế không xuất khẩu;
- Tờ khai hải quan xuất khẩu, nhập khẩu khai sai các chỉ tiêu thông tin không được khai bổ sung, trừ trường hợp tờ khai hải quan nhập khẩu đã thông quan, giải phóng hàng và hàng hóa đã qua khu vực giám sát hải quan hoặc tờ khai hải quan xuất khẩu đã thông quan, giải phóng hàng và hàng hóa thực tế đã xuất khẩu.

7. HỦY TỜ KHAI HẢI QUAN

c) Các trường hợp hủy khác

- Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được đăng ký nhưng chưa được thông quan do Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan có sự cố và tờ khai hải quan giấy thay thế đã được thông quan, giải phóng hàng, đưa hàng về bảo quản;
- Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã đăng ký nhưng hàng hóa không đáp ứng các quy định về kiểm tra chuyên ngành, sau khi xử lý vi phạm với hình thức phạt bổ sung là buộc phải tái xuất, tiêu hủy.

7. HỦY TỜ KHAI HẢI QUAN

d) Thủ tục hủy tờ khai

- Cơ quan hải quan rà soát, hủy tờ khai hết thời hạn có giá trị làm thủ tục hải quan trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày đến hạn và thông báo cho người khai hải quan thông qua Hệ thống;
- Hủy theo đề nghị của người khai:
 - + Đơn đề nghị hủy: điện tử hóa (không sử dụng mẫu giấy);
 - + Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra và phản hồi kết quả trong vòng 08 giờ làm việc.

8. KIỂM TRA THỰC TẾ HÀNG HÓA THEO ĐỀ NGHỊ CỦA CHI CỤC HẢI QUAN ĐĂNG KÝ TỜ KHAI (Điều 29)

Quy định hiện hành

Hiện nay việc kiểm tra thực tế hàng hóa theo đề nghị của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai được thực hiện trên cơ sở đề nghị của Chi cục Hải quan nơi đăng ký không phân biệt loại hàng hóa (hàng rời, hàng xá, hàng container...).

Lý do sửa đổi, bổ sung

Để đảm bảo thực hiện thống nhất về nguyên tắc kiểm tra đối với hàng hóa xuất nhập khẩu và giảm thời gian thông quan giải phóng hàng đối với các trường hợp phải kiểm tra thực tế hàng hóa.

Nội dung sửa đổi, bổ sung

Việc kiểm tra thực tế hàng hóa theo đề nghị của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai chỉ áp dụng đối với hàng xá, hàng rời. Các loại hàng hóa khác trường hợp doanh nghiệp muốn kiểm tra tại địa bàn Chi cục Hải quan nào thì làm thủ tục tại Chi cục Hải quan đó.

9. GIÁM SÁT HẢI QUAN TRONG VIỆC LẤY MẪU (Điều 31)

Quy định hiện hành

- Đề nghị lấy mẫu để khai hải quan: thực hiện dưới dạng giấy;
- Lấy mẫu phục vụ kiểm tra chuyên ngành: chưa có quy định về việc giám sát của cơ quan hải quan.

Nội dung sửa đổi, bổ sung

- **Điện tử hóa đề nghị lấy mẫu của người khai hải quan.** Cơ quan hải quan tiếp nhận và thông báo chấp nhận việc lấy mẫu thông qua Hệ thống.
- **Lấy mẫu phục vụ kiểm tra chuyên ngành:** Thời gian lấy mẫu sẽ được người khai hải quan thông báo thông qua Hệ thống để cơ quan hải quan bố trí lực lượng giám sát trên **CƠ SỞ ÁP DỤNG QUẢN LÝ RỦI RO**.

10. ĐƯA HÀNG VỀ BẢO QUẢN (Điều 32)

Quy định hiện hành

Hiện tại việc đưa hàng về bảo quản được thực hiện trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành. Người khai hải quan tự chịu trách nhiệm bảo quản hàng hoá, không quy định cụ thể các điều kiện cần đáp ứng về khu vực lưu giữ hàng hoá đưa về bảo quản.

Lý do sửa đổi, bổ sung

Hướng dẫn rõ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP liên quan đến việc địa điểm đưa hàng về bảo quản là kho bãi có địa chỉ rõ ràng, được ngăn cách với khu vực xung quanh.

10. ĐƯA HÀNG VỀ BẢO QUẢN (Điều 32)

a) Nội dung sửa đổi, bổ sung đưa hàng về bảo quản đối với hàng hóa phải kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm

- Trường hợp do cơ quan KTCN chỉ định:

Người khai hải quan: Đề nghị đưa hàng về bảo quản điện tử kèm giấy đăng ký kiểm tra chuyên ngành có xác nhận của cơ quan KTCN.

Cơ quan hải quan: Trong thời hạn 01 giờ làm việc, cơ quan hải quan xác nhận việc cho phép đưa hàng về bảo quản theo đúng địa chỉ ghi nhận trên giấy đăng ký kiểm tra chuyên ngành đã được cơ quan KTCN xác nhận.

10. ĐƯA HÀNG VỀ BẢO QUẢN (Điều 32)

a) Nội dung sửa đổi, bổ sung đưa hàng về bảo quản đối với hàng hóa phải kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm

- Trường hợp do người khai hải quan đề nghị đưa về địa điểm bảo quản của người khai hải quan

Người khai hải quan phải nộp

- Đề nghị đưa hàng về bảo quản điện tử kèm Giấy đăng ký KTCN có xác nhận của cơ quan KTCN;

- Khi nộp hồ sơ đề nghị đưa hàng về địa điểm bảo quản lần đầu tiên: người khai hải quan nộp cho cơ quan hải quan tài liệu chứng minh địa điểm đưa hàng về bảo quản là kho bãi có địa chỉ rõ ràng, được ngăn cách với khu vực xung quanh đảm bảo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

Cơ quan hải quan: trong vòng 02 giờ làm việc thông báo cho người khai về kết quả xử lý.

10. ĐƯA HÀNG VỀ BẢO QUẢN (tiếp)

b) Quản lý hàng hóa đưa về bảo quản

- Khi hàng hóa được đưa về địa điểm kiểm tra hoặc địa điểm bảo quản, người khai hải quan phải thông báo về hàng hóa đã đến đích cho cơ quan hải quan.
- Trường hợp bất khả kháng không thể đưa hàng hóa về địa điểm kiểm tra hoặc địa điểm bảo quản đúng thời hạn người khai hải quan áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo nguyên trạng hàng hóa và thông báo ngay cho cơ quan hải quan theo số điện thoại đường dây nóng trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan
- Trong thời gian bảo quản hàng hóa, trường hợp cơ quan kiểm tra chuyên ngành yêu cầu đưa hàng hóa vào lắp đặt, vận hành để thực hiện kiểm tra chuyên ngành, người khai hải quan có trách nhiệm thông báo cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai bằng văn bản trước khi lắp đặt, vận hành.

10. ĐƯA HÀNG VỀ BẢO QUẢN (tiếp)

c) Kiểm tra việc bảo quản hàng hóa tại kho của doanh nghiệp

- Cục Hải quan nơi quản lý địa điểm bảo quản hàng hóa chịu trách nhiệm kiểm tra việc bảo quản từ khi nhận được thông báo của người khai hải quan về thời điểm hàng hóa đến địa điểm bảo quản đến khi thông quan, giải phóng hàng
- Cục Hải quan nơi quản lý địa điểm bảo quản hàng hóa phân công cho đơn vị trực thuộc tổ chức giám sát, theo dõi tình trạng bảo quản hàng hóa.
- Trường hợp có cơ sở xác định hàng hóa không đảm bảo nguyên trạng theo đề nghị của Cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai thì Cục Hải quan quản lý địa điểm bảo quản có trách nhiệm kiểm tra xử lý theo quy định của pháp luật.

11. HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN CHỊU SỰ GIÁM SÁT HẢI QUAN (Điều 50)

Quy định hiện hành

Điều 50 quy định chung các trường hợp hàng hóa chịu sự giám sát hải quan.

Lý do sửa đổi, bổ sung

- Để phân biệt rõ ràng, cụ thể đối với hàng hóa vận chuyển theo hình thức vận chuyển độc lập, theo hình thức vận chuyển kết hợp, hàng hóa không làm thủ tục theo 2 hình thức trên.
- Phù hợp với quy định tại Điều 43, 44 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP

Nội dung sửa đổi, bổ sung

- a. Đối với hàng hóa thực hiện thủ tục hải quan theo hình thức vận chuyển độc lập:

Quy định rõ từng loại hàng vận chuyển độc lập gồm: hàng quá cảnh, hàng hóa trung chuyển. (trừ hàng hóa OC qua

11. HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN CHỊU SỰ GIÁM SÁT HẢI QUAN (Điều 50)

Nội dung sửa đổi, bổ sung

- a) Đối với hàng hóa thực hiện thủ tục hải quan theo hình thức vận chuyển độc lập:

- Hàng quá cảnh, hàng hóa trung chuyển (trừ hàng hóa QC qua đường hàng không và được đưa ra từ chính cảng hàng không đó, hàng hóa trung chuyển được đưa ra nước ngoài từ chính cảng biển đó);
- Hàng hóa chuyển cửa khẩu: như hiện hành nhưng bổ sung thêm các trường hợp sau:
 - + Hàng hoá xuất khẩu đã thông quan hoặc giải phóng hàng được vận chuyển từ địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hàng hoá XNK tập trung, địa điểm hàng CPN, hàng bưu chính, hàng hoá XK thực hiện thủ tục VCDL đã xác nhận chuyển đến đích sau đó thay đổi cửa khẩu xuất;
 - + Hàng XK đã thông quan hoặc giải phóng hàng vận chuyển từ CFS, kho NQ đến cảng cạn, từ kho NQ đến địa điểm CPN, Bưu chính;
- Hàng nhập khẩu vận chuyển từ cửa khẩu nhập đến các địa điểm CPN, Bưu chính.

11. HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN CHỊU SỰ GIÁM SÁT HẢI QUAN (Điều 50)

Nội dung sửa đổi, bổ sung

b) Đối với hàng hóa thực hiện thủ tục hải quan theo hình thức vận chuyển kết hợp:

Như hiện hành nhưng bổ sung thêm các trường hợp:

- hàng hoá XK đã đăng ký tờ khai tại chi cục HQ ngoài cửa khẩu được đến địa điểm CPN, Bưu chính;
- hàng hoá xuất khẩu từ khu phi thuế quan (trừ kho ngoại quan) đến các địa điểm CPN, Bưu chính.
- hàng hoá NK đã đăng ký tờ khai tại Chi cục HQ ngoài CK, Chi cục quản lý khu phi thuế quan, Chi cục quản lý CHMT được vận chuyển từ CK nhập đến địa điểm CPN, Bưu chính, cửa hàng miễn thuế.

12. NIÊM PHONG HẢI QUAN (khoản 4 Điều 50)

Quy định hiện hành

Khoản 3 Điều 52 quy định các về niêm phong hải quan, theo đó quy định cụ thể trường hợp phải niêm phong hải quan, trường hợp không phải niêm phong hải quan.

Lý do sửa đổi, bổ sung

- Để phù hợp với thực tế phát sinh;
- Để đảm bảo quy định tại Điều 43, 44 Nghị định 59/2018/NĐ-CP

12. NIÊM PHONG HẢI QUAN
(khoản 4 Điều 50)

Nội dung sửa đổi, bổ sung

a) Các trường hợp phải niêm phong hải quan:

Ngoài các trường hợp theo quy định hiện hành, bổ sung 4 trường hợp sau:

- hàng hoá XK phải kiểm tra thực tế được vận chuyển từ địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu, địa điểm kiểm tra hàng hóa ở nội địa, địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa tập trung hoặc kho hàng không kéo dài đến địa điểm chuyển phát nhanh, bưu chính;
- hàng hóa xuất khẩu đã thông quan hoặc giải phóng hàng vận chuyển từ kho CFS, kho ngoại quan đến cảng cạn, từ kho ngoại quan đến địa điểm chuyển phát nhanh, địa điểm hàng bưu chính;

12. NIÊM PHONG HẢI QUAN
(khoản 4 Điều 50)

Nội dung sửa đổi, bổ sung

a) Các trường hợp phải niêm phong hải quan (tiếp):

- hàng hoá nhập khẩu được vận chuyển từ kho CFS, cảng cạn, kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài, địa điểm chuyển phát nhanh, bưu chính đến địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu, địa điểm kiểm tra hàng hóa ở nội địa, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa tập trung để kiểm tra thực tế hàng hóa, để lấy mẫu hàng hóa;
- hàng hóa không phải niêm phong nhưng đóng ghép chung container với hàng hóa phải niêm phong; Hàng hóa buộc tái xuất vận chuyển từ địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu đến cửa khẩu xuất.

12. NIÊM PHONG HẢI QUAN

(khoản 4 Điều 50)

Nội dung sửa đổi, bổ sung

a) Các trường hợp không phải niêm phong hải quan:

Ngoài các trường hợp theo quy định hiện hành, bổ sung các trường hợp sau:

- Hàng hóa từ nước ngoài vận chuyển từ cửa khẩu nhập đầu tiên đến cửa khẩu xuất cuối cùng nhưng không dỡ hàng xuống cảng biển, cảng hàng không tại Việt Nam;

- Hàng hóa xuất khẩu vận chuyển bằng container từ cảng này đến cảng khác được dỡ xuống phương tiện vận tải đường thủy hoặc để trên tàu xếp chồng kín, nhiều tầng, nhiều lớp để vận chuyển đến cửa khẩu xuất nếu còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển;

Tổng cục trưởng trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình buôn lậu, gian lận thương mại trong từng thời kỳ, Tổng cục trưởng quyết định việc niêm phong hải quan đối với trường hợp không phải niêm phong hải quan.

13. KHAI BỔ SUNG TỔ KHAI VẬN CHUYỂN ĐỘC LẬP

(khoản 7 Điều 50)

Quy định hiện hành

Tại điểm d khoản 1 Điều 51 Thông tư 38 quy định việc khai bổ sung vận chuyển độc lập nhưng chưa quy định cụ thể các trường hợp được khai bổ sung, các chỉ tiêu thông tin được khai bổ sung.

Nội dung sửa đổi, bổ sung

- Quy định cụ thể về các trường hợp người khai hải quan được khai bổ sung, các chỉ tiêu thông tin được khai bổ sung.

- Quy định cụ thể về thủ tục khai bổ sung, trách nhiệm của người khai hải quan, trách nhiệm của Chi cục hải quan nơi vận chuyển đi, đến.

- Đồng thời Thông tư cũng quy định khai bổ sung đối với bản kê hàng hoá quá cảnh/trung chuyển.

14. HỦY TỜ KHAI VẬN CHUYÊN ĐỘC LẬP (khoản 8 Điều 50)

Quy định hiện hành

Tại điểm d khoản 1 Điều 51 Thông tư 38 quy định việc huỷ tờ khai vận chuyên độc lập nhưng chưa quy định cụ thể các trường hợp được huỷ tờ khai VCDL.

Nội dung sửa đổi, bổ sung

- Quy định cụ thể về các trường hợp người khai hải quan được huỷ tờ khai VCDL
- Quy định cụ thể về thủ tục huỷ tờ khai, trách nhiệm của người khai hải quan, trách nhiệm của Chi cục hải quan nơi vận chuyên đi, đến.
- Đồng thời Thông tư cũng quy định huỷ bản kê hàng hoá quá cảnh/trung chuyển.

15. THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA VẬN CHUYÊN ĐỘC LẬP (Điều 51, 51a, 51b)

Quy định hiện hành

Tại khoản 1 Điều 51 Thông tư 38 quy định cụ thể về hồ sơ, thủ tục đối với hàng hoá chuyên độc lập nhưng chưa chi tiết theo từng trường hợp cụ thể.

Nội dung sửa đổi, bổ sung

- *Về hồ sơ*: bổ sung thêm Bản kê chi tiết hàng hoá.
- *Về thủ tục*: quy định việc kiểm tra đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chứa trong container xếp chồng khít, nhiều tầng, nhiều lớp được vận chuyển bằng đường thủy nội địa.
- Đối với hàng hoá quá cảnh bằng đường hàng không và đưa ra từ chính cảng hàng không đó và trường hợp hàng hoá đưa vào cảng trung chuyển và đưa ra NN từ chính cảng trung chuyển đó thì thực hiện trên bản kê hàng hoá (không thực hiện khai báo trên TKVCDL).

16. GIÁM SÁT HẢI QUAN

Quy định hiện hành

Giám sát hải quan (GSHQ) được quy định tại:

- **Luật Hải quan năm 2014:**
 - + Điều 38 (Đối tượng, phương thức và thời gian GSHQ)
 - + Điều 39 (Trách nhiệm của CQHQ trong hoạt động GSHQ)
 - + Điều 41 (Trách nhiệm của DNKD cảng, kho, bãi trong hoạt động GSHQ)
- **Nghị định 08/2015/NĐ-CP:**
 - + Điều 34 (GSHQ đối với hàng hóa XK, NK, QC)
 - + Điều 43 (GSHQ đối với hàng QC)
 - + Điều 44 (GSHQ đối với hàng hóa trung chuyển)
 - + Điều 48 (GSHQ đối với hàng nhập khẩu phải tái xuất)
- **Thông tư 38/2015/TT-BTC**
 - + Điều 52 (GSHQ đối với HH XK, NK).

16. GIÁM SÁT HẢI QUAN (tiếp)

Bắt cập khi thực hiện

Quy định hiện hành chưa hướng dẫn cụ thể về trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi với cơ quan Hải quan, cụ thể như:

- Chưa quy định cụ thể khi hàng vào cảng, lưu giữ, đưa ra KVGSHQ thì DNKD cảng, kho, bãi phải kiểm tra, cập nhật và gửi thông tin gì cho cơ quan hải quan, cơ quan hải quan phải cung cấp thông tin gì cho DN hoặc khi Hệ thống giữa 2 bên gặp sự cố thì xử lý như thế nào...
- Chưa quy định cụ thể các trường hợp đặc thù (trung chuyển, quá cảnh, thay đổi cửa khẩu xuất, hàng xuất một phần, hàng quay trở lại nội địa, không đăng ký tờ khai...) khi có kết nối Hệ thống với DNKD cảng, kho, bãi thì thực hiện như thế nào...

16. GIÁM SÁT HẢI QUAN (tiếp)

Dự kiến sửa đổi, bổ sung

- Sửa đổi:

Điều 52 (GSHQ HH NK qua KVGS có kết nối HT)

- Bổ sung:

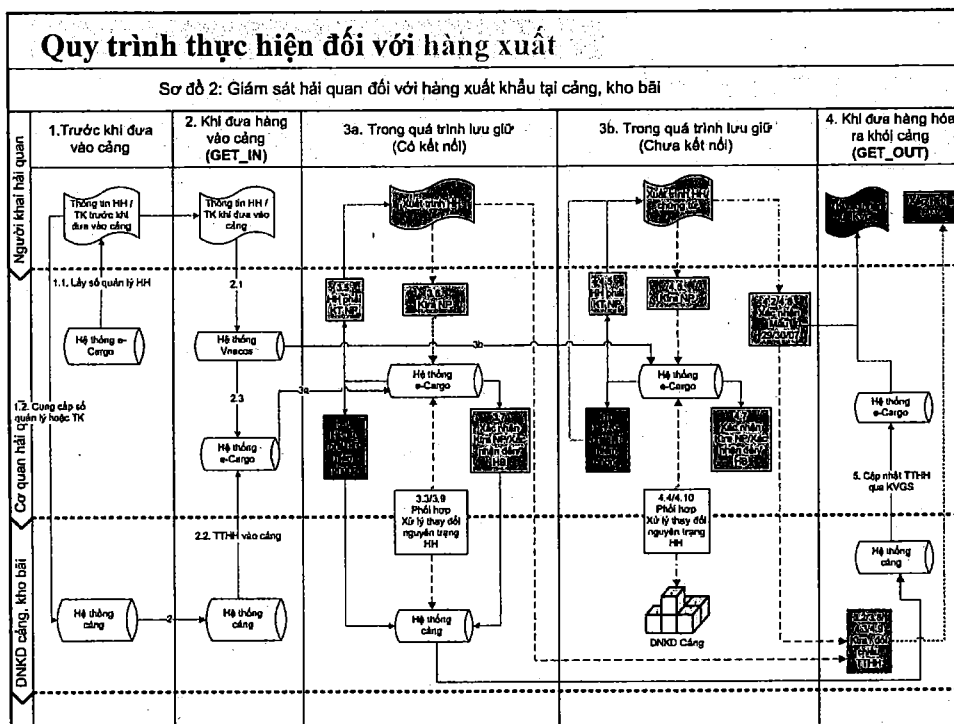
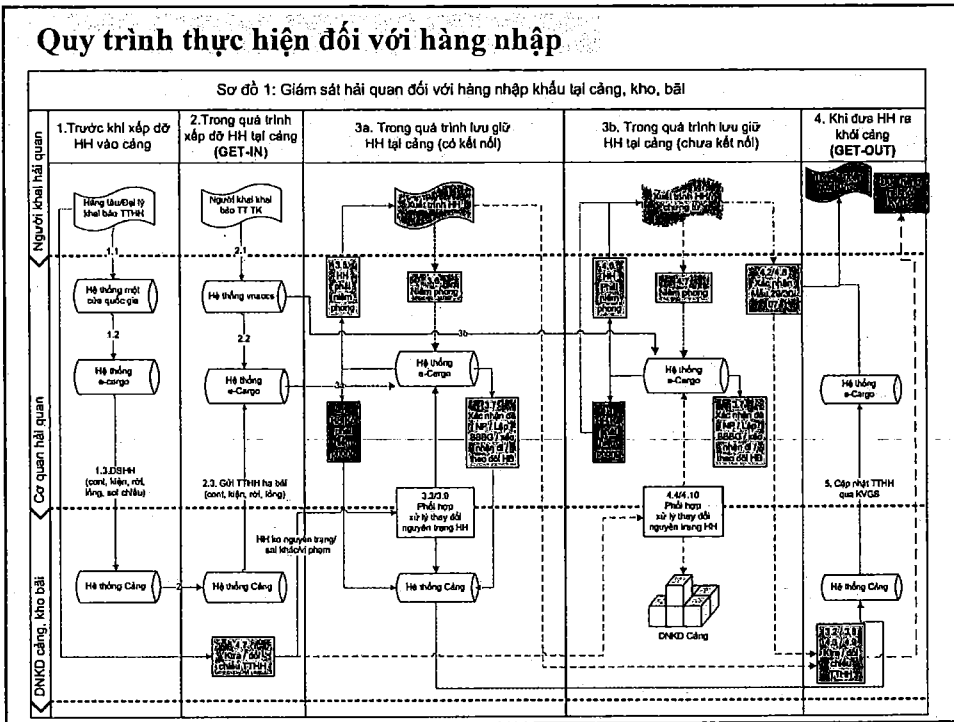
- + Điều 52a (GSHQ HH XK qua KVGS có kết nối HT)
- + Điều 52b (GSHQ các trường hợp khác)
- + Điều 52c (GSHQ HH XK, NK qua KVGS chưa kết nối HT)
- + Điều 52d (Tạm dừng đưa hàng qua KVGS HQ)
- + Điều 52đ (Quy định về phối hợp, trao đổi thông tin và khi Hệ thống gặp sự cố)

16. GIÁM SÁT HẢI QUAN (tiếp)

Dự kiến sửa đổi, bổ sung

- Một số thay đổi so với quy định hiện hành tại Thông tư 38 khi làm thủ tục hải quan

- + Người khai hải quan khi thực hiện thủ tục lấy hàng qua KVGS không phải xuất trình chứng từ giấy (mẫu 29/30) để cơ quan CCHQ kiểm tra, xác nhận hàng đủ điều kiện qua khu vực giám sát.
- + Cụ thể hóa trách nhiệm các bên (người khai, DNKD cảng, kho, bãi, CQHQ) theo chiều thời gian, các bước thực hiện:
 - (1) Trước khi đưa hàng vào KVGS;
 - (2) Trong quá trình xếp dỡ/khi đưa HH vào KVGS (get-in)
 - (3) Trong quá trình lưu HH tại KVGS (thay đổi nguyên trạng)
 - (4) Khi đưa HH ra khỏi KVGS (get-out)



**MỘT SỐ LƯU Ý TRƯỚC KHI TRIỂN KHAI
KẾT NỐI VỚI DN CẢNG, KHO, BÃI**

A. Chốt dữ liệu hàng hóa lưu giữ tại KVGS (chốt tồn)

Tại khoản 3, Điều 29 Luật Hải quan năm 2014 quy định “*Chính sách quản lý hàng hóa, chính sách thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được áp dụng tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan*”.

Vì vậy, khi thực hiện kết nối, hệ thống hải quan sẽ lấy ngày chốt dữ liệu hàng hóa lưu giữ tại KVGS theo mốc là ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Ví dụ: Lấy mốc là ngày **05/6/2018** bắt đầu triển khai thì sẽ có 2 trường hợp cần lưu ý

TH1: Các lô hàng có ngày đăng ký tờ khai hải quan kể từ ngày **05/06/2018 trở về sau** thì thực hiện xác nhận hàng qua KVGS theo quy định tại Điều 52, 52a, 52b, 52d, 52đ (tùy loại hình) Thông tư **38/2018/TT-BTC**.

MỘT SỐ LƯU Ý TRƯỚC KHI TRIỂN KHAI KẾT NỐI VỚI DN CẢNG

A. Về chốt tồn dữ liệu trước khi triển khai (tiếp):

TH2: Lô hàng có ngày đăng ký tờ khai trước ngày 05/06/2018 nhưng hàng hóa đưa vào KVGS (getin) trước hoặc sau ngày 20/04/2018 thì việc xác nhận hàng qua KVGS sẽ do cơ quan hải quan thực hiện theo quy định tại quy trình ban hành kèm **Quyết định 1966/QĐ-TCHQ** (việc xác nhận thực hiện trên Hệ thống V5).

Như vậy, trước khi triển khai chính thức, Chi cục Hải quan quản lý KVGS cần **lưu ý DNKD** kho, bãi, cảng (sau đây gọi là DN cảng) **không gửi thông tin getin** cho các tờ khai thuộc trường hợp này.

PHỐI HỢP, TRAO ĐỔI THÔNG TIN	
<p style="text-align: center; margin-bottom: 10px;">DNKD CẢNG, KHO, BÃI</p> <p>1. CUNG CẤP SƠ ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG THỂ VỊ TRÍ XẾP, DỠ HH XK, NK, QUÁ CẢNH, TRUNG CHUYỀN, SAI KHÁC... CUNG CẤP CÔNG CỤ VÀ QUYỀN TRA CỨU VỊ TRÍ CONTAINER...</p> <p>2. CẬP NHẬT VÀ GỬI ĐẾN HT HQ TT HH ĐƯA VÀO LƯU GIỮ ĐƯA RA LƯU GIỮ TTHH ĐÃ HOÀN THÀNH TTHQ ĐƯA KVCS HQ TRÊN HỆ THỐNG DN</p>	<p style="text-align: center; margin-bottom: 10px;">HẢI QUAN</p> <p>1. CUNG CẤP TTHH HẠ BÃI, SOI CHIẾU TRƯỚC, THAY ĐỔI NGUYÊN TRẠNG, CONTAINER</p> <p>2. KT, XÁC MINH TÍNH NGUYÊN TRẠNG HH THEO TB DNKD CẢNG</p>

HỆ THỐNG CẬP SỰ KIỆN	
<p style="text-align: center; margin-bottom: 10px;">DNKD CẢNG, KHO, BÃI</p> <p>1. CHẠM NHẤT 01 GIỜ KÉ TỪ THỜI ĐIỂM KHÔNG THỰC HIỆN ĐƯỢC GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ THÌ CÓ VB THÔNG BÁO CHI CỤC HQ NƠI QUẢN LÝ ĐƯỢC BIẾT</p> <p>2. CÁN CỨ DS HH ĐỦ ĐK QUA KVCS HQ (CÓ XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC HQ) HOẶC BẢN MẸM TTHH (CÓ CHỮ KÝ SỐ) ĐỂ CHO HÀNG XK XẾP LÊN PTVT, HÀNG NK ĐƯỢC RA KHỎI KVCS</p>	<p style="text-align: center; margin-bottom: 10px;">HẢI QUAN</p> <p>1. PHỐI HỢP DNKDC XÁC ĐỊNH, LẬP BBCN</p> <p>2. IN, XÁC NHẬN DS HH ĐỦ ĐK QUA KVCS; HOẶC KẾT XUẤT DỮ LIỆU ĐỦ ĐK QUA KVCS.</p>



HẢI QUAN VIỆT NAM
Chuyên nghiệp, Minh bạch, Hiệu quả



NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA GIA CÔNG, SXXK, DNCX

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ

I. ĐỊNH MỨC HÀNG GIA CÔNG, SXXK

1. Quy định hiện hành

Điều 55 Thông tư 38: Quy định chung về định mức thực tế; quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải xây dựng định mức, lưu giữ các chứng từ liên quan đến định mức và xuất trình khi cơ quan hải quan yêu cầu.

2. Lý do sửa đổi

- Để phù hợp với thực tế hoạt động gia công, sản xuất hàng hóa tại các doanh nghiệp
- Để đảm bảo công tác quản lý của cơ quan hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Hải quan

3. Quy định tại Thông tư mới

- Quy định rõ về định mức kỹ thuật (chi tiết tại điểm a khoản 1 Điều 55), thời điểm nộp định mức kỹ thuật tại tờ khai xuất khẩu của mã sản phẩm đầu tiên (trừ DNUT);

I. ĐỊNH MỨC HÀNG GIA CÔNG, SXXK

3. Quy định tại Thông tư mới

khi khai báo tờ khai nhập khẩu, xuất khẩu người khai hải quan phải khai mã nguyên liệu, mã sản phẩm tại chỉ tiêu mô tả hàng hóa theo hướng dẫn tại Phụ lục II Thông tư này. Cơ quan hải quan sử dụng định mức kỹ thuật để phân tích quá trình hoạt động gia công, sản xuất hàng hoá xuất khẩu, không làm cơ sở để kết luận việc tổ chức, cá nhân sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu sai quy định.

- Quy định về định mức thực tế, cách xác định định mức thực tế (chi tiết tại điểm a khoản 2 Điều 55); thời điểm nộp định mức thực tế khi nộp báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 60 Thông tư này; Tổ chức, cá nhân và cơ quan hải quan sử dụng định mức thực tế sản xuất để xác định số thuế khi chuyển đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa sản phẩm, hoàn thuế, không thu thuế hoặc khi cơ quan hải quan kiểm tra, thanh tra.

II. THÔNG BÁO CSSX, NƠI LƯU GIỮ HÀNG HÓA GC, SXXK – HỢP ĐỒNG/PHỤ LỤC HĐ GC

1. Quy định hiện hành

Điều 37 Nghị định 08/2015/NĐ-CP, Điều 56 Thông tư 38/2015/TT-BTC: Trước khi nhập khẩu lô hàng đầu tiên tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo cơ sở sản xuất đến Chi cục Hải quan nơi dự kiến làm thủ tục nhập khẩu. Trừ DNCX không phải thực hiện thông báo này

2. Lý do sửa đổi

Phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Hải quan, điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định 134/2016/NĐ-CP.

3. Quy định mới

- Thông báo CSSX theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 20 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này và các chứng từ khác kèm theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP cho Chi cục Hải quan do tổ chức, cá nhân dự kiến lựa chọn làm

II. THÔNG BÁO CSSX, NƠI LƯU GIỮ HÀNG HÓA GC, SXXK – HỢP ĐỒNG/PHỤ LỤC HĐ GC

3. Quy định mới

thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Thông tư này thông qua Hệ thống, bao gồm cả trường hợp là DNCX.

- Trường hợp lưu giữ nguyên liệu, vật tư, sản phẩm ngoài cơ sở sản xuất thì trước khi đưa nguyên liệu, vật tư, sản phẩm đến địa điểm lưu giữ, tổ chức, cá nhân phải thông báo địa điểm lưu giữ cho Chi cục Hải quan quản lý thông qua Hệ thống theo mẫu số 20 Phụ lục II hoặc theo mẫu số 12/TB-CSSX/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này

- Trường hợp thay đổi nơi đã thông báo CSSX thì tổ chức, cá nhân thông báo đến Chi cục Hải quan quản lý, Chi cục Hải quan nơi dự kiến chuyển đến thông qua Hệ thống hoặc bằng văn bản, thực hiện thông báo CSSX cho Chi cục Hải quan nơi dự kiến chuyển đến theo quy định tại điểm a.1 khoản 1 Điều 56 Thông tư này và thực hiện báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 60 Thông tư này

II. THÔNG BÁO CSSX, NƠI LƯU GIỮ HÀNG HÓA GC, SXXK – HỢP ĐỒNG/PHỤ LỤC HĐ GC

3. Quy định mới

- Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo hợp đồng, phụ lục hợp đồng gia công theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 21, mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này cho Chi cục Hải quan nơi đã thông báo cơ sở sản xuất qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Số tiếp nhận hợp đồng, phụ lục hợp đồng gia công được khai trên tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu tại chỉ tiêu ô giấy phép.

III. BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

1. Quy định hiện hành

- Điều 60 Thông tư 38/2015/TT-BTC: Chậm nhất 90 ngày kể từ ngày hết năm tài chính người khai hải quan nộp báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và hàng hóa xuất khẩu trong năm tài chính cho cơ quan hải quan.

2. Lý do sửa đổi

- Để phù hợp với khoản 1 Điều 59 Luật Hải quan
- Cải cách-phương thức quản lý hiện đại nhưng có lộ trình

3. Quy định mới

- Quy định bổ sung đối với trường hợp tổ chức, cá nhân sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin liên quan đến hoạt động nhập kho nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, xuất kho nguyên liệu, vật tư;

III. BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

3. Quy định mới

nhập kho thành phẩm, xuất kho thành phẩm theo chuẩn dữ liệu với hệ thống của cơ quan hải quan ngay khi các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động nhập, xuất kho thì không phải thực hiện báo cáo quyết toán. Cơ quan hải quan thực hiện phân tích, đánh giá sự phù hợp giữa các dữ liệu do tổ chức, cá nhân gửi qua hệ thống với dữ liệu trên hệ thống của cơ quan hải quan làm cơ sở quyết định việc kiểm tra theo quy định.

- Đối với tổ chức, cá nhân chưa tham gia kết nối hệ thống thì thực hiện nộp báo cáo quyết toán theo mẫu số 15/BCQT-NVL/GSQL, mẫu số 15b/BCQT-SP/GSQL và mẫu số 16/TBĐMTT-GSQL sau:

III. BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

3. Quy định mới

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NHẬP-XUẤT-TỒN KHO NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ NHẬP KHẨU LOẠI HÌNH...

Kỳ báo cáo: Từ ngày đến ngày

Stt	Mã nguyên liệu, vật tư	Tên nguyên liệu, vật tư	Đơn vị tính	Lượng NL, VT tồn kho đầu kỳ	Lượng NL, VT nhập trong kỳ	Lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu xuất kho trong kỳ				Lượng NL, VT nhập khẩu tồn kho cuối kỳ	Ghi chú
						Tái xuất	Chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa, tiêu hủy	Xuất kho để sản xuất	Xuất kho khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(5)+(6)-(7)-(8)-(9)-(10)	
	NL 1	Vải 100% cotton	m2	100	210	30	40	60	70	110	
	NL 2	Cúc	chiếc	1,000	20,100			600		20,500	
	NL 3	Vải vụn	kg		100			50		30	
	NL 4	Bông	kg	500	200			100		600	
	NL 1	Vải 100% cotton	m2	100	200	30	40	30	50	150	
	NL 2	Cúc	chiếc	1,000	2,000			200		2,800	
	NL 3	Vải vụn	kg								
	NL 4	Bông	kg	500	200			100		600	

III. BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

3. Quy định mới

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NHẬP - XUẤT - TỒN KHO SẢN PHẨM XUẤT KHẨU ĐƯỢC SẢN XUẤT TỪ NL, VT NHẬP KHẨU LOẠI HÌNH....

Kỳ báo cáo: từ ngày đến ngày

Stt	Mã sản phẩm xuất khẩu	Tên sản phẩm xuất khẩu	Đơn vị tính	Lượng sản phẩm tồn kho đầu kỳ	Lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ	Lượng sản phẩm xuất kho trong kỳ			Lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ theo sổ sách theo dõi	Lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ theo kiểm kê thực tế tại kho
						Lượng sản phẩm thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa	Lượng sản phẩm xuất khẩu	Xuất kho khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (5) + (6) - (7) - (8) - (9)	
	ASM	Áo sơ mi size L	chiếc	100	40	10	20	20	90	
	ASM	Áo sơ mi size XL	chiếc	200	50	20	30	30	170	

III. BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

3. Quy định mới

THÔNG BÁO ĐỊNH MỨC THỰC TẾ SẢN XUẤT SẢN PHẨM XUẤT KHẨU										
Kỳ báo cáo: từ ngày đến ngày										
Stt	Mã sản phẩm xuất khẩu/nhập khẩu	Tên sản phẩm xuất khẩu/nhập khẩu	Mã HS sản phẩm	Đơn vị tính	Nguyên liệu, vật tư					Ghi chú
					Mã	Tên	Mã HS nguyên liệu, VT	Đơn vị tính	Lượng NL, VT thực tế sử dụng để sản xuất một sản phẩm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	ASM	Áo sơ mi		chiếc	NL 1	Vải 100% cotton		m ²	1.5	
					NL 2	cúc		chiếc	1	
2	GB	Gấu bông		chiếc	NL 3	Vải vụn		kg	0.2	
					NL 4	Bông		kg	1	

III. BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

3. Quy định mới

- Quy định về việc sửa báo cáo quyết toán: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán nhưng trước thời điểm cơ quan hải quan ban hành quyết định kiểm tra báo cáo quyết toán, kiểm tra sau thông quan, thanh tra, tổ chức, cá nhân phát hiện sai sót trong việc lập báo cáo quyết toán thì được sửa đổi, bổ sung báo cáo quyết toán và nộp lại cho cơ quan hải quan. Hết thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán hoặc sau khi cơ quan hải quan quyết định kiểm tra báo cáo quyết toán, kiểm tra sau thông quan, thanh tra, tổ chức, cá nhân mới phát hiện sai sót trong việc lập báo cáo quyết toán thì thực hiện việc sửa đổi, bổ sung báo cáo quyết toán với cơ quan hải quan và bị xử lý theo quy định pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

IV. XỬ LÝ CHÊNH LỆCH THỪA THIẾU NL, VT SAU KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Quy định hiện hành

Chưa có hướng dẫn xử lý cụ thể ở cấp văn bản pháp quy

2. Lý do sửa đổi

Giải quyết vướng mắc phát sinh khi kiểm tra phát hiện chênh lệch nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để GC, SXXK

3. Quy định mới (điểm c khoản 7 Điều 59 Thông tư sửa đổi, bổ sung)

Trường hợp kiểm tra xác định số lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu thực tế tồn kho chênh lệch so với số liệu trên chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo nhập - xuất - tồn, số liệu xuất nhập khẩu thì yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình và xử lý như sau:

+ Nếu tổ chức, cá nhân cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu chứng minh và giải trình được nguyên nhân dẫn đến chênh lệch thì chấp nhận số liệu cung cấp, ghi nhận số liệu thực tế kiểm tra, ban hành

IV. XỬ LÝ CHÊNH LỆCH THỪA THIẾU NL, VT SAU KẾT QUẢ KIỂM TRA

3. Quy định mới (điểm c khoản 7 Điều 59 Thông tư sửa đổi, bổ sung)

kết luận kiểm tra và cập nhật kết quả kiểm tra vào Hệ thống

+ Nếu tổ chức, cá nhân không cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu chứng minh thì thực hiện việc xử lý theo hồ sơ hiện có của cơ quan hải quan

+ Nếu giải trình của tổ chức, cá nhân không đủ cơ sở chứng minh nguyên nhân dẫn đến chênh lệch thì cơ quan hải quan xử lý như sau:

++ Trường hợp cơ quan xác định được nguyên nhân dẫn đến chênh lệch thì thực hiện xử lý vi phạm với hành vi tương ứng và căn cứ quy định pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan và hồ sơ hiện có để quyết định xử lý về thuế.

++ Trường hợp cơ quan không xác định được nguyên nhân dẫn đến chênh lệch thì xử lý như sau:

IV. XỬ LÝ CHÊNH LỆCH THỪA THIẾU NL, VT SAU KẾT QUẢ KIỂM TRA

3. Quy định mới (điểm c khoản 7 Điều 59 Thông tư sửa đổi, bổ sung)

+++ Nếu số lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu thực tế tồn kho, số liệu trên chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo nhập - xuất - tồn nhỏ hơn số liệu xuất nhập khẩu thì cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế;

+++ Nếu số lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu thực tế tồn kho, số liệu trên chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo nhập - xuất - tồn lớn hơn số liệu xuất nhập khẩu và tổ chức, cá nhân được tiếp tục sử dụng nguyên liệu dư thừa để sản xuất hàng hóa xuất khẩu không thực hiện ấn định thuế.

V. THỦ TỤC NHẬP KHẨU CHO THUÊ TÀI CHÍNH (Điều 94)

1. Quy định hiện hành

Hướng dẫn tại công văn số 11190/BTC-TCHQ ngày 22/08/2017

2. Lý do bổ sung

Để đáp ứng với thực tế quan hệ kinh tế phát sinh, thống nhất hướng dẫn chung và minh bạch thủ tục hải quan

3. Quy định mới

- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu cho đối tượng được hưởng ưu đãi miễn thuế nhập khẩu thuê tài chính theo quy định tại Điều 14, 15, 16, 17, 18, 23 và 24 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP thì doanh nghiệp cho thuê tài chính thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Chương II Thông tư này; chỉ tiêu "Phần ghi chú" khai thông tin số hợp đồng cho thuê tài chính/ngày hợp đồng/ngày dự kiến hết hạn hợp đồng, tên công ty thuê tài chính;

V. THỦ TỤC NHẬP KHẨU CHO THUÊ TÀI CHÍNH

3. Quy định mới

- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài để cho DNCX, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê thì:

+ Khi nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài vào Việt Nam: Doanh nghiệp cho thuê tài chính làm thủ tục nhập khẩu và hàng hóa ngay khi thông quan phải được đưa trực tiếp vào DNCX, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan; chỉ tiêu “Phần ghi chú” khai thông tin số hợp đồng cho thuê tài chính/ngày hợp đồng/ngày dự kiến hết hạn hợp đồng, tên công ty thuê tài chính;

+ Khi doanh nghiệp cho thuê tài chính và DNCX, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan giao nhận hàng hóa thì thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 86 Thông tư này; khai báo trị giá hải quan theo giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa giữa doanh nghiệp cho thuê tài chính, bên thuê tài chính và nhà cung cấp nước ngoài, chỉ tiêu phân loại hình thức hóa đơn khai là B,

V. THỦ TỤC NHẬP KHẨU CHO THUÊ TÀI CHÍNH

3. Quy định mới

chỉ tiêu số/ngày hóa đơn để trống và chỉ tiêu “Phần ghi chú” ghi cụ thể: Tờ khai xuất khẩu tại chỗ ghi: “hàng hóa cho (tên khách hàng thuê) thuê tài chính theo hợp đồng thuê tài chính số...”; Tờ khai nhập khẩu tại chỗ ghi: “hàng hóa thuê tài chính của (tên công ty cho thuê tài chính) theo hợp đồng thuê tài chính số...”

- Trường hợp doanh nghiệp cho thuê tài chính nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài vào thị trường nội địa sau đó xuất khẩu vào DNCX, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê thì doanh nghiệp cho thuê tài chính phải thực hiện thủ tục hải quan, kê khai, nộp thuế nhập khẩu theo quy định.

Sau khi xuất khẩu hàng hóa vào DNCX, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan, doanh nghiệp cho thuê tài chính được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp tại khâu nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu trở lại nội địa thì doanh nghiệp cho thuê tài chính phải kê khai, nộp thuế nhập khẩu theo quy định.

V. THỦ TỤC NHẬP KHẨU CHO THUÊ TÀI CHÍNH

3. Quy định mới

- Trường hợp doanh nghiệp cho thuê tài chính nhập khẩu hàng hóa để cho đối tác khác (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này) thuê, khi làm thủ tục nhập khẩu doanh nghiệp cho thuê tài chính phải kê khai và nộp thuế nhập khẩu theo quy định;

- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu trực tiếp từ doanh nghiệp cho thuê mua tài chính ở nước ngoài: Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư này. Trị giá khai báo trên tờ khai hải quan thực hiện theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số 39/2015/TT-BTC, trị giá tính thuế, thời điểm tính thuế, phương pháp tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 39/2015/TT-BTC



HẢI QUAN VIỆT NAM
Chuyên nghiệp, Minh bạch, Hiệu quả



NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

**LIÊN QUAN ĐẾN THUẾ XUẤT KHẨU
THUẾ NHẬP KHẨU VÀ QUẢN LÝ THUẾ**

CỤC THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

A. CÁC NỘI DUNG BÃI BỎ

- Điểm c khoản 1 Điều 37: Đã được quy định cụ thể tại Điều 5 Luật Thuế XNK số 107/2016/QH13.
- Điều 40: Đã đưa về các Điều có liên quan (khoản 1: đã được quy định tại Điều 21 Thông tư này, khoản 2: được quy định tại Điều 22 NĐ134; khoản 3: đã được quy định tại Điều 39 Thông tư này).
- Khoản 1, 2, 3, 6, 9 Điều 42: Từ 01/9/2016 thời hạn nộp thuế thực hiện theo Luật Thuế XNK số 107/2016/QH13.
- Khoản 1, 4, 5 Điều 43: Các nội dung này đã được quy định chi tiết tại Điều 4 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP và được sửa đổi tại khoản 2, khoản 3 Điều này tại Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 38/2015/TT-BTC.
- Điều 49: Chuyển thành Điều 131 Thông tư số, bs Thông tư 38/2015/TT-BTC.

82

B. NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

83

HỒ SƠ XÁC ĐỊNH TRƯỚC MÃ SỐ

Quy định hiện hành:

Hồ sơ xác định trước mã số quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, bao gồm:

- Đơn đề nghị xác định trước mã số
- Mẫu hàng dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu
- Trường hợp không có mẫu hàng, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu kỹ thuật của hàng hóa

84

HỒ SƠ XÁC ĐỊNH TRƯỚC MÃ SỐ

Bất cập khi thực hiện:

- Theo quy định hiện hành, tài liệu kỹ thuật không bắt buộc phải có trong hồ sơ xác định trước mã số. Tuy nhiên, thực tế việc thực hiện phân loại, xác định trước mã số hàng hóa phải dựa vào thông tin tại tài liệu kỹ thuật. Do vậy, phát sinh trường hợp cơ quan hải quan đề nghị doanh nghiệp bổ sung tài liệu kỹ thuật, dẫn đến kéo dài thời gian xác định trước mã số

- Quy định hiện hành không nêu cụ thể việc tiếp nhận và xử lý mẫu hàng hóa đề nghị xác định trước mã số của cơ quan hải quan

- Quy định hiện hành không hướng dẫn trường hợp đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP

85

HỒ SƠ XÁC ĐỊNH TRƯỚC MÃ SỐ

Nội dung sửa đổi, bổ sung (K3 Điều 1):

Sửa đổi khoản 1. Hồ sơ xác định trước mã số:

a) Đơn đề nghị xác định trước mã số theo mẫu số 01/XĐTMS/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này;

b) Tài liệu kỹ thuật do tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số hàng hóa cung cấp (bản phân tích thành phần, catalogue, hình ảnh hàng hóa): 01 bản chụp;

c) Mẫu hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu (nếu có).

Cơ quan hải quan tiếp nhận và xử lý mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 14/2015/TT-BTC.

86

HỒ SƠ XÁC ĐỊNH TRƯỚC MÃ SỐ

Bổ sung khoản 4

Trường hợp đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP bao gồm:

a) Hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước trị giá hải quan, mã số thuộc vụ việc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo về việc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra;

b) Hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số đã được Tổng cục Hải quan tiếp nhận và chờ kết quả xử lý.”

87

KIỂM TRA VIỆC ÁP DỤNG TB XÁC ĐỊNH TRƯỚC MS **Quy định hiện hành:**

- Khoản 5 Điều 27 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định nếu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không đúng với thông báo kết quả xác định trước thì cán bộ hải quan tiến hành kiểm tra, xác định mã số, xuất xứ, trị giá hải quan theo quy định tại Thông tư này và báo cáo Tổng cục Hải quan ra văn bản hủy bỏ giá trị thực hiện của thông báo kết quả xác định trước theo quy định tại khoản 6 Điều 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

KIỂM TRA VIỆC ÁP DỤNG TB XÁC ĐỊNH TRƯỚC MS (tiếp) **Bất cập khi thực hiện:**

- Việc quy định như trên sẽ mâu thuẫn với điểm b khoản 6 Điều 24 Nghị định 08/2015/NĐ-CP quy định văn bản thông báo kết quả xác định trước không có hiệu lực áp dụng trong trường hợp hồ sơ thực tế xuất khẩu nhập khẩu khác với mẫu hàng hóa hoặc hồ sơ đề nghị xác định trước.

KIỂM TRA VIỆC ÁP DỤNG TB XÁC ĐỊNH TRƯỚC MS (tiếp) **Nội dung sửa đổi, bổ sung (điểm b K16 Điều 1):**

Không quy định việc báo cáo Tổng cục Hải quan ra văn bản hủy bỏ giá trị thực hiện của thông báo kết quả xác định trước theo quy định tại khoản 6 Điều 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP

HỒ SƠ XÁC ĐỊNH TRƯỚC MÃ SỐ

Sửa đổi Mục 16 Đơn đề nghị xác định trước nêu tại Phụ lục của TT 38

16. Các Thông tin khác về hàng hóa

a) Trường hợp đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại điểm 4 Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 38/2018/TT-BTC

Có Không

Trường hợp đánh dấu vào ô "có", đề nghị nêu cụ thể mã số, số văn bản hướng dẫn, số văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan điều tra về việc đang thụ lý hồ sơ liên quan đến hàng hóa.

b) Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (nêu cụ thể thời điểm dự kiến xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa trên hợp đồng mua bán với nước ngoài theo quy định hiện hành của hàng hóa đề nghị xác định trước mã số do tổ chức, cá nhân có đơn đề nghị xác định trước mã số trực tiếp thực hiện giao dịch)

HỒ SƠ XÁC ĐỊNH TRƯỚC MÃ SỐ

Sửa đổi Mục 20 Đơn đề nghị xác định trước nêu tại Phụ lục của TT 38

20. Chứng thư giám định đối với mẫu hàng đề nghị xác định trước mã số cần phải sử dụng máy móc, thiết bị kỹ thuật để xác định thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng.

92

HỒ SƠ HẢI QUAN KHI LÀM THỦ TỤC HQ (K 5 Điều 1)

Quy định hiện hành:

- Tại Điều 16 Thông tư 38 chỉ quy định chung hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xk, nk thuộc đối tượng không chịu thuế, mà chưa quy định cụ thể hồ sơ cho từng trường hợp như: hàng hóa nk là hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; hàng hóa nk thực hiện dự án ODA không hoàn lại của Việt Nam cho nước ngoài; hàng hóa xk để thực hiện dự án ODA của VN cho nước ngoài; ...
- Chưa quy định đầy đủ hồ sơ HQ đối với hàng hóa miễn thuế xk, nk.
- Chưa quy định hồ sơ giảm thuế trong thông quan, hồ sơ không thu thuế trong thông quan.

93

HỒ SƠ HẢI QUAN KHI LÀM THỦ TỤC HQ (K5 Điều 1) Lý do sửa đổi, bổ sung:

- Cụ thể hóa, minh bạch hồ sơ mà người khai hải quan phải nộp đối với từng trường hợp cụ thể;
- Phù hợp quy định của Nghị định số 134

 Nội dung sửa đổi, bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 16.

I. Đối với hàng hóa XK, NK không thuộc đối tượng chịu thuế:

Quy định chi tiết hồ sơ phải nộp đối với:

1. Hàng NK là viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cho VN
2. Hàng NK để thực hiện dự án ODA viện trợ của VN cho nước ngoài
3. Hàng XK để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại của VN cho nước ngoài có nguồn gốc trong nước.

94

HỒ SƠ HẢI QUAN KHI LÀM THỦ TỤC HQ (K5 Điều 1)

4. Hàng hoá thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT là máy móc, thiết bị, vật tư thuộc loại trong nước chưa SX được NK để sử dụng trực tiếp cho hoạt động NCKH, PTCN; MM, TB, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, VT thuộc loại trong nước chưa SX được NK để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt; tàu bay, giàn khoan, tàu thủy thuộc loại trong nước chưa SX được NK tạo TSCĐ của DN hoặc đi thuê của nước ngoài để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê

95

HỒ SƠ HẢI QUAN KHI LÀM THỦ TỤC HQ (K5 Điều 1)

5. Hàng hoá nhập khẩu là vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho QP, AN thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.
6. Hàng hóa nhập khẩu của DN cho thuê tài chính để cho DNCX, DN trong khu PTQ thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính thuộc đối tượng không chịu thuế NK và hàng hóa NK từ nước ngoài đưa trực tiếp vào DNCX, DN trong khu PTQ.
7. Hàng hóa của các nhà thầu NK từ nước ngoài đưa trực tiếp vào khu PTQ để xây dựng nhà xưởng, văn phòng, lắp đặt thiết bị theo kết quả đấu thầu.

96

HỒ SƠ HẢI QUAN KHI LÀM THỦ TỤC HQ (K5 Điều 1)

II. Đối với hàng hóa miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu

1. Danh mục miễn thuế
2. Hợp đồng đi thuê và cho thuê lại máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng phục vụ hoạt động dầu khí; hợp đồng dịch vụ công việc cho tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí.

Hợp đồng chế tạo máy móc, thiết bị hoặc chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị cần thiết cho hoạt động dầu khí để cung cấp cho tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí trong đó ghi rõ ghi rõ giá cung cấp hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu.

97

HỒ SƠ HẢI QUAN KHI LÀM THỦ TỤC HQ (K5 Điều 1)

III. Đối với trường hợp giảm thuế:

Ngoài các chứng từ nêu tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này, người khai hải quan phải nộp hồ sơ giảm thuế XK, thuế NK theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

IV. Đối với trường hợp không thu thuế:

Quy định chi tiết hồ sơ phải nộp đối với:

1. Đối với hàng hóa NK nhưng phải TX trả lại nước ngoài, TX sang nước thứ ba, TX vào khu PTQ
2. Đối với hàng hoá XK nhưng phải tái nhập khẩu trở lại VN
3. Đối với các trường hợp hàng hóa XK hoặc NK được hoàn thuế nhưng người nộp thuế chưa nộp thuế

98

LƯU GIỮ HỒ SƠ HẢI QUAN (K6 Điều 1)

Quy định hiện hành:

Chưa có quy định

Lý do sửa đổi, bổ sung:

- Giảm thiểu hồ sơ hải quan phải nộp cho cơ quan hải quan, đẩy nhanh thời gian kiểm tra để thông quan nhanh hàng hóa.
- Cụ thể hóa hồ sơ DN phải lưu giữ phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra của CQHQ.
- Quy định chi tiết các chứng từ cần phải lưu giữ liên quan đến xác định mã số, thuế suất, trị giá, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, xóa nợ, nộp dần tiền thuế, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, xác định trước mã số, xác định trước trị giá, các chứng từ khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP

99

KHAI THAY ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG (K10 Điều 1) **Quy định hiện hành:**

- Về chính sách thuế chỉ quy định khi tái xuất hoặc chuyển nhượng cho đối tượng miễn thuế, không chịu thuế thì không phải nộp thuế.

 Lý do sửa đổi, bổ sung:

- Chưa quy định đối với trường hợp chuyển nhượng cho đối tượng miễn thuế, không chịu thuế thì người nhận chuyển nhượng hay người chuyển nhượng thực hiện thủ tục hải quan trên tờ khai mới;
- Chưa quy định trách nhiệm đối với cơ quan hải quan trong trường hợp người nhận chuyển nhượng thuộc đối tượng miễn thuế phải thông báo DMMT;
- Chưa quy định trách nhiệm của người nhận chuyển nhượng trong trường hợp đối tượng miễn thuế phải thông báo DMMT;

100

KHAI THAY ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG (K10 Điều 1) **Nội dung sửa đổi, bổ sung:**

Tại khoản 10 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 21

Đối với trường hợp chuyển nhượng cho đối tượng thuộc diện không chịu thuế, miễn thuế:

- Người khai hải quan là: Người nhận chuyển nhượng
- Trường hợp người nhận chuyển nhượng phải thực hiện thông báo DMMT:
 - + CQHQ: thực hiện trừ lùi hàng hóa nhận chuyển nhượng trên DMMT của người nhận chuyển nhượng;
 - + Người chuyển nhượng: phải thực hiện thông báo cho CQHQ nơi tiếp nhận thông báo DMMT trước đây về việc chuyển nhượng hàng hóa đối với trường hợp đã thông báo Danh mục miễn thuế hoặc thông báo cho Chi cục Hải quan nơi đã đăng ký tờ khai hải quan ban đầu nếu không thuộc trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế.

101

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 Điều 1)

1. Sửa đổi nội dung về kiểm tra, xác định trị giá hải quan (Khoản 14 Điều 1 dự thảo TT38 bổ sung, sửa đổi - sửa đổi Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC) Bổ sung thêm căn cứ bác bỏ trị giá khai báo trong thông quan

- Bổ sung thẩm quyền xác định trị giá, ấn định thuế sau khi bác bỏ trị giá khai báo trong thông quan
- Bổ sung quy định cơ quan hải quan thực hiện phân bổ các khoản điều chỉnh
- Sửa đổi quy định về thẩm quyền tham vấn
- Sửa đổi quy định về tham vấn một lần

2. Sửa đổi, bổ sung quy định về nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu (Khoản 15 Điều 1 dự thảo TT38 bổ sung, sửa đổi – sửa đổi Điều 4 Thông tư số 39/2015/TT-BTC)

102

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 Điều 1)

1. Bổ sung thêm căn cứ bác bỏ trị giá khai báo trong thông quan (điểm a khoản 3 Điều 25)

Quy định hiện hành:

Căn cứ bác bỏ là:

- ✓ Người khai hải quan không kê khai hoặc kê khai không đúng, không đủ các chỉ tiêu liên quan đến trị giá hải quan;
- ✓ Các nội dung về trị giá, điều kiện giao hàng trên hóa đơn thương mại không phù hợp với các nội dung tương ứng trên vận tải đơn hoặc các chứng từ vận tải khác

Lý do bổ sung:

Thực tế kiểm tra, ngoài 2 căn cứ bác bỏ nêu trên còn có các căn cứ bác bỏ khác → bổ sung để nâng cao hiệu quả kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra giá.

103

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 Điều 1)**☐ Nội dung bổ sung căn cứ bác bỏ:**

- Người khai hải quan không kê khai hoặc kê khai không đúng, không đủ một trong các chỉ tiêu có liên quan đến trị giá hải quan và ảnh hưởng đến việc xác định trị giá hải quan
- Có mâu thuẫn về nội dung liên quan đến trị giá hải quan giữa các chứng từ trong hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp hoặc xuất trình cho cơ quan hải quan
- Không thoả mãn một trong các điều kiện khi áp dụng phương pháp xác định trị giá hải quan
- Áp dụng không đúng trình tự, nội dung phương pháp xác định trị giá hải quan

104

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 Điều 1)**2. Bổ sung thẩm quyền xác định trị giá, ấn định thuế sau khi bác bỏ trị giá khai báo trong thông quan (Khoản 3, Khoản 4 Điều 25)****☐ Quy định hiện hành:****1. Trường hợp cơ quan hải quan có đủ cơ sở bác bỏ TG**

- ✓ Người khai hải quan khai bổ sung
- ✓ Nếu không khai bổ sung thì thông quan theo trị giá khai báo và chuyển kiểm tra sau thông quan.

2. Trường hợp nghi vấn TG khai báo

- ✓ DN lựa chọn tham vấn: nếu kết quả tham vấn đủ cơ sở bác bỏ TGKB, tùy lựa chọn của DN để xử lý hoặc khai bổ sung hoặc thông quan theo KB và chuyển KTSTQ
- ✓ DN không lựa chọn tham vấn: cơ quan hải quan thông quan theo KB và KTSTQ

105

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 ĐIỀU 1)**☐ Lý do bổ sung:**

- ✓ Phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 39 Luật Quản lý thuế; Điều 33 Nghị định 83/2013/NĐ-CP
- ✓ Nhằm thống nhất cách xử lý giữa khâu trong và sau thông quan; tạo công bằng cho người khai hải quan
- ✓ Thực hiện kiến nghị của UB kiểm tra Trung ương tại TB 150-TB/UBKTTW về việc rà soát kiến nghị các cấp có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung văn bản pháp quy

106

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 Điều 1)**☐ Nội dung bổ sung:****(1) Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 25:**

- Cơ quan hải quan ban hành Thông báo trị giá hải quan (theo mẫu tại Thông tư).
- Người khai hải quan:
 - Khai bổ sung theo Thông báo TGHQ trong 5 ngày làm việc kể từ ngày Thông báo để thông quan hàng hóa.
 - Nếu doanh nghiệp không khai bổ sung trong thời hạn quy định → cơ quan hải quan ban hành quyết định ấn định thuế, thông quan hàng hóa.

107

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 Điều 1)

(2) Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo (điểm b khoản 3 Điều 25):

Trường hợp 1

- Hàng hóa XK, NK có nghi vấn trị giá khai báo (điểm b.4, điểm b.5 khoản 3 Điều 25) và rủi ro cao về trị giá so với mức giá tham chiếu theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan, đồng thời người khai hải quan được giá giá, phân loại là doanh nghiệp không tuân thủ Cơ quan hải quan thông báo (1) người khai hải quan bổ sung hồ sơ và (2) cử đại diện có thẩm quyền để giải trình, chứng minh trị giá khai báo trong thời hạn làm thủ tục hải quan.

→

108

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 Điều 1)

- Cơ quan hải quan ban hành Thông báo trị giá hải quan, ấn định thuế, thông quan hàng hóa, xử lý vi phạm (nếu có), (điểm b.1.1 khoản 3 Điều 25) **NẾU**
Người khai hải quan không bổ sung HS, không cử đại diện có thẩm quyền và không có giấy ủy quyền hoặc không giải trình chứng minh được căn cứ bác bỏ
- Cơ quan hải quan ban hành Thông báo trị giá hải quan và thông quan theo trị giá khai báo cho các trường hợp ngoài trường hợp nêu trên (điểm b.1.2 khoản 3 Điều 25).

109

1. KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 ĐIỀU 1)

Trường hợp 2

Cơ quan hải quan thông quan theo trị giá khai báo và chuyển nghi vấn để cơ quan thuế làm cơ sở kiểm tra, xác định giao dịch liên kết, (điểm b.2 khoản 3 Điều 25) NẾU:

- Hàng NK có mức giá cao đột biến so với mức giá tham chiếu theo hướng dẫn của TCHQ.

Trường hợp 3

Cơ quan hải quan thông báo (điểm b.3 khoản 3 Điều 25):

- Cơ sở nghi vấn, mức giá, phương pháp xác định trị giá, thời gian tham vấn qua *Hệ thống hoặc Thông báo nghi vấn trị giá hải quan* (theo mẫu đối với trường hợp khai trên tờ khai giấy).

- Đồng thời giải phóng hàng.

Người khai hải quan thực hiện tham vấn

110

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 ĐIỀU 1)

(3) Xử lý kết quả tham vấn (Khoản 4 Điều 25)

Người khai hải quan đồng ý với mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định tại Thông báo trị giá hải quan (điểm đ.1 khoản 4 Điều 25):

- ✓ Người khai hải quan khai bổ sung theo Thông báo trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày đến cơ quan hải quan tham vấn – cơ quan hải quan thông quan hàng hóa
- ✓ Nếu không khai bổ sung theo Thông báo hoặc khai bổ sung quá thời hạn thì cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế, thông quan hàng hóa, xử lý vi phạm (nếu có).

111

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 ĐIỀU 1)

Cơ quan hải quan bác bỏ trị giá khai báo sau tham vấn (điểm đ.2 khoản 4 Điều 25):

- ✓ Cơ quan hải quan: ban hành Thông báo trị giá hải quan
- ✓ Người khai hải quan khai bổ sung theo Thông báo trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tham vấn – cơ quan hải quan thông quan hàng hóa.

Nếu người khai hải quan không khai bổ sung theo Thông báo hoặc khai bổ sung quá thời hạn thì cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế, thông quan hàng hóa, xử lý vi phạm (nếu có).

Cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo sau tham vấn (điểm đ.3 khoản 4 Điều 25):

- ✓ Cơ quan hải quan: ban hành Thông báo trị giá hải quan và thông quan hàng hóa theo trị giá khai báo

112

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 ĐIỀU 1)

3. Bổ sung quy định cơ quan hải quan thực hiện phân bổ các khoản điều chỉnh (khoản 5 Điều 25)

Quy định hiện hành:

Tại Thông tư 39 có quy định nguyên tắc phân bổ, phương thức phân bổ các khoản điều chỉnh. Tuy nhiên, chưa quy định cụ thể cơ quan hải quan thực hiện phân bổ các điều chỉnh khi xác định trị giá, ấn định thuế.

Lý do bổ sung:

Để đảm bảo tính rõ ràng và minh bạch trong quy định.

113

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 ĐIỀU 1) **Nội dung bổ sung:**

Khi xác định trị giá, ấn định thuế, cơ quan hải quan thực hiện phân bổ các khoản điều chỉnh theo quy định nếu người khai hải quan chưa thực hiện phân bổ hoặc phân bổ không đúng các khoản điều chỉnh.

Nguyên tắc, phương pháp phân bổ thực hiện theo quy định tại Thông tư 39/2015/TT-BTC (Điều 13, Điều 15, Điều 16)

114

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 ĐIỀU 1)**4. Sửa đổi quy định về tham vấn một lần (Khoản 6 Điều 25)** **Quy định hiện hành:**

- ✓ Điều kiện để được áp dụng tham vấn 1 lần là chỉ áp dụng đối với hàng hóa cùng hợp đồng mua bán
- ✓ Kết quả tham vấn 1 lần được sử dụng cho lần nhập khẩu tiếp theo

 Lý do sửa đổi:

Theo kiến nghị của DN thì quy định trên thủ tục phức tạp (phải có văn bản đề nghị áp dụng) nhưng kết quả tham vấn chỉ được áp dụng đối với hàng hóa cùng hợp đồng mua bán
→ hạn chế doanh nghiệp sử dụng kết quả tham vấn 1 lần → sửa đổi để đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng hiệu quả áp dụng

115

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 Điều 1)

Nội dung sửa đổi:

- ✓ Bỏ điều kiện chỉ áp dụng tham vấn một lần, sử dụng kết quả nhiều lần đối với hàng hóa cùng hợp đồng;
- ✓ Người khai hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (Hệ thống) đề nghị tham vấn một lần;
- ✓ Bổ sung quy định cơ quan hải quan phải phản hồi kết quả cho người khai hải quan.

116

NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN HÀNG XUẤT KHẨU (K15 Điều 1)

Quy định hiện hành:

Điều 4 Thông tư số 39/2015/TT-BTC quy định nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan hàng xuất khẩu là giá bán tính đến cửa khẩu xuất ghi trên hợp đồng

Lý do bổ sung: Để xử lý một số vướng mắc sau

- ✓ Một số trường hợp không có dữ liệu hàng hóa tương tự, giống hệt thì không thể xác định được trị giá hải quan hàng xuất khẩu;
- ✓ Chưa có quy định xác định trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu theo loại hình xuất biên giới;

117

NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN HÀNG XUẤT KHẨU (K15 Điều 1)

☐ Nội dung bổ sung, sửa đổi:

- Bổ sung thêm 3 phương pháp xác định trị giá hải quan hàng xuất khẩu so với quy định hiện tại; đồng thời bổ sung quy định về nội dung, điều kiện, trình tự áp dụng, chứng từ, tài liệu của từng phương pháp

Các phương pháp xác định trị giá hải quan hàng xuất khẩu gồm 4 phương pháp:

- ✓ Phương pháp giá bán tính đến cửa khẩu xuất: là giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hoặc hóa đơn thương mại và các chi phí liên quan tính đến cửa khẩu xuất phù hợp với chứng từ nếu các khoản chi phí này chưa bao gồm trong giá bán tính đến CK xuất (Khoản 2 Điều 25a)
- ✓ Phương pháp giá bán của hàng hóa XK giống hệt, tương tự trên cơ sở dữ liệu TGHQ sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa XK đang xác định trị giá (Khoản 3 Điều 25a) ¹¹⁸

NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN HÀNG XUẤT KHẨU (K15 Điều 1)

- ✓ Phương pháp giá bán tính đến cửa khẩu xuất: là giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hoặc hóa đơn thương mại và các chi phí liên quan tính đến cửa khẩu xuất phù hợp với chứng từ nếu các khoản chi phí này chưa bao gồm trong giá bán tính đến CK xuất (Khoản 2 Điều 25a)
- ✓ Phương pháp giá bán của hàng hóa XK giống hệt, tương tự trên cơ sở dữ liệu TGHQ sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa XK đang xác định trị giá (Khoản 3 Điều 25a)
- Bổ sung quy định về trị giá của hàng hóa xuất khẩu không có hợp đồng mua bán và không có hóa đơn thương mại là trị giá khai báo (Khoản 6 Điều 25a).

THUẾ TV, THUẾ CBPG, THUẾ CTC (K23 Điều 1)**□ Quy định hiện hành:**

- Đã quy định về căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế, thời điểm tính thuế, thời hạn nộp thuế, thu nộp, hoàn trả đối với thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp;

□ Lý do sửa đổi, bổ sung:

- Tại Điều 4 Luật Thuế XNK số 107 quy định thuế TV, thuế CBPG, thuế CTC là thuế nhập khẩu bổ sung;

- Tại Điều 15 Luật Thuế XNK số 107 đã quy định việc áp dụng thuế TV, thuế CBPG, thuế CTC thực hiện theo quyết định của Bộ Công Thương;

120

THUẾ TV, THUẾ CBPG, THUẾ CTC (K23 Điều 1)**□ Nội dung sửa đổi, bổ sung:**

- Bỏ khoản 1 Điều 39 Thông tư 38/2015/TT-BTC;

- Tại “Căn cứ tính thuế” quy định cụ thể: Mức thuế từng mặt hàng theo quy định của Bộ Công Thương;

- Tại Phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm sửa chỉ tiêu trị giá tính thuế cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 37 Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

- Bổ sung phương pháp tính thuế đối với trường hợp tính theo mức thuế tuyệt đối phù hợp quy định tại Điều 6 Luật Thuế XNK số 107;

- Bỏ thời hạn nộp thuế bổ sung: do đã quy định tại Điều 9 Luật Thuế XNK số 107;

121

THUẾ TV, THUẾ CBPG, THUẾ CTC (K23 Điều 1)

- Bổ sung quy định trị giá tính thuế TTĐB, thuế GTGT phải cộng thêm thuế NK bổ sung: do tại Điều 4 Luật Thuế XNK số 107 quy định thuế TV, thuế CBPG, thuế CTC là thuế nhập khẩu bổ sung;
- Bổ sung quy định số tiền thuế nhập khẩu bổ sung theo QĐ áp dụng tạm thời của Bộ Công Thương thì nộp vào tài khoản tiền gửi của CQHQ: nhằm thuận lợi cho việc hoàn trả tiền thuế nộp thừa trong trường hợp số tiền thuế NK bổ sung theo QĐ áp dụng chính thức thấp hơn số tiền thuế đã nộp; sau khi có QĐ áp dụng chính thức thì CQHQ chuyển nộp NSNN.

122

THỜI HẠN NỘP THUẾ VÀ BẢO LÃNH THUẾ

□ Quy định hiện hành:

1. Điều 9 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 (có hiệu lực từ 01/09/2016) quy định:
 - Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế phải nộp thuế trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng hóa hoặc phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng và phải nộp tiền chậm nộp trong thời gian bảo lãnh.
 - Thời hạn bảo lãnh tối đa là 30 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.
 - Hết thời hạn bảo lãnh, người nộp thuế chưa nộp thuế, tiền chậm nộp tổ chức tín dụng có trách nhiệm nộp đủ tiền thuế, tiền chậm nộp thay cho người nộp thuế.

123

THỜI HẠN NỘP THUẾ VÀ BẢO LÃNH THUẾ (tiếp)

2. Điều 4 Nghị định 134/2016/NĐ-CP quy định:

- Thời hạn nộp thuế quy định tại Điều 9 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 được áp dụng đối với hàng hóa XK, NK thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế (bao gồm các loại thuế XK, thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB,...)
- Bảo lãnh riêng; Bảo lãnh chung; Trách nhiệm của tổ chức tín dụng nộp tiền thuế, tiền chậm nộp thay cho người nộp thuế;
- Nội dung thư bảo lãnh, kiểm tra, theo dõi, xử lý bảo lãnh thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

124

THỜI HẠN NỘP THUẾ VÀ BẢO LÃNH THUẾ (tiếp)

Nội dung sửa đổi, bổ sung:

Điều 42. Thời hạn nộp thuế

- **Tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư 38 sửa đổi đã bãi bỏ** Khoản 1, 2, 3, 6, 9 Điều 42 do không còn phù hợp (từ 01/09/2016 thời hạn nộp thuế thực hiện theo Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13).
- Thời hạn nộp thuế các trường hợp đặc thù quy định tại khoản 4, 5, 7, 8 Điều 42 giữ nguyên không sửa đổi.

125

THỜI HẠN NỘP THUẾ VÀ BẢO LÃNH THUẾ (tiếp)

Điều 43. Bảo lãnh tiền thuế phải nộp

(1) Khoản 2, 3 Điều 43 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 24 Điều 1 Thông tư 38 sửa đổi, trong đó:

+ Khoản 2 bỏ điều kiện bảo lãnh thay bằng các tiêu chí tại thư bảo lãnh (các tiêu chí này thay thế cho mẫu thư bảo lãnh), nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế và tổ chức tín dụng nhận bảo lãnh.

+ Khoản 3 sửa đổi về kiểm tra, theo dõi, xử lý bảo lãnh thuế của cơ quan hải quan (được áp dụng chung cho bảo lãnh riêng và bảo lãnh chung).

(2) Khoản 1, 4, 5 Điều 43 bãi bỏ (do các nội dung quy định tại các khoản này đã được quy định chi tiết tại Điều 4 Nghị định 134/2016/NĐ-CP và được sửa đổi tại khoản 2, 3 nêu trên).

126

THU, NỘP PHÍ, LỆ PHÍ HẢI QUAN

☐ Quy định hiện hành:

- Thông tư số 274/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh (thay thế Thông tư 172/2010/TT-BTC ngày 02/11/2010 và các khoản 1, 2, 3, 4, 7, 8 Điều 45 Thông tư 38).

Theo đó:

- Phạm vi điều chỉnh là: phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh.

- Khoản 5 (quy định về không áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với nợ lệ phí hải quan) và khoản 6 (quy định về quản lý nợ lệ phí hải quan trên Hệ thống kế toán tập trung) tại Điều 45 Thông tư 38/2015/TT-BTC vẫn thực hiện, không thay thế.

127

THU, NỘP PHÍ, LỆ PHÍ HẢI QUAN (K26 Điều 1)

Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 45 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Thông tư 38 sửa đổi (để phù hợp với Thông tư 274/2016/TT-BTC):

(1) Sửa tên Điều là: “Điều 45. Thu, nộp phí hải quan, lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh”.

(2) Tại Khoản 1: trích dẫn làm rõ các nội dung đã thay thế thực hiện theo Thông tư 274/2016/TT-BTC.

(3) Tại Khoản 2, 3: kế thừa nội dung khoản 5, khoản 6 Điều 45 Thông tư 38/2015/TT-BTC nhưng sửa-bổ-sung cụm từ “*lệ phí hải quan*” thành “*phí, lệ phí hải quan*”.

128

ÁN ĐỊNH THUẾ (K27 Điều 1)

Quy định hiện hành:

- ❖ Việc ấn định thuế được thực hiện theo Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP.
- ❖ Chưa có quy định đối với các trường hợp người nộp thuế chuyển đổi mục đích sử dụng một phần hàng hóa cùng chủng loại của nhiều tờ khai khác nhau tại các tờ khai lần đầu đã xác định được số tiền thuế
- ❖ Chưa có quy định đối với trường hợp ấn định thuế tại tờ khai lần đầu không có số liệu về số tiền thuế hoặc không xác định được căn cứ tính thuế
- ❖ Chưa có quy định về khoảng thời gian sau khi ban hành quyết định ấn định thuế cơ quan hải quan phải gửi quyết định ấn định thuế cho người nộp thuế

129

ẤN ĐỊNH THUẾ (K27 Điều 1)

□ Lý do sửa đổi, bổ sung:

- ❖ Cần bổ sung quy định nhằm tạo cơ sở pháp lý để cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế trong các trường hợp sau khi hàng hóa đã được thông quan người nộp thuế thay đổi mục đích sử dụng nhưng không tự giác khai báo với cơ quan hải quan
- ❖ Tạo cơ sở pháp lý để cơ quan hải quan thực hiện quyền ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế
- ❖ Đảm bảo xử lý các vướng mắc phát sinh trong thực tế đặc biệt là trong công tác kiểm tra sau thông quan đối với mọi trường hợp phát sinh bao gồm cả trường hợp hàng hóa nhập khẩu lần đầu thuộc đối tượng miễn thuế

130

ẤN ĐỊNH THUẾ (K27 Điều 1)

□ Nội dung sửa đổi, bổ sung:

Sửa đổi, bổ sung điểm c.2.2.2 khoản 6 Điều 48

- ❖ Quy định rõ cách thức xác định số tiền thuế phải nộp đối với trường hợp trên các tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu lần đầu đã xác định được số tiền thuế
- ❖ Trường hợp trên các tờ khai lần đầu đã xác định được số tiền thuế thì số tiền thuế ấn định là số tiền thuế trung bình được xác định bằng cách lấy tổng số tiền thuế của hàng hóa cùng chủng loại tại các tờ khai chia cho tổng số hàng hóa tại các tờ khai nhân với số lượng hàng hóa thay đổi mục đích sử dụng.
- ❖ Thời hạn nộp tiền thuế ấn định và tính tiền chậm nộp tính theo thời hạn nộp thuế của tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu cuối cùng (nhằm đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế phải nộp số tiền thuế chậm nộp với số tiền nhỏ nhất)
- ❖ Quy định rõ cách thức xác định số tiền thuế phải nộp đối với trường hợp tờ khai lần đầu không có số liệu về số tiền thuế hoặc không xác định được căn cứ tính thuế.
- ❖ Bổ sung quy định về thời hạn phải gửi quyết định ấn định thuế cho người nộp thuế trong thời hạn 08h làm việc

131

ẤN ĐỊNH THUẾ (K27 Điều 1)

❖ Trường hợp tờ khai lần đầu không có số liệu về số tiền thuế hoặc không xác định được căn cứ tính thuế: CQHQ ấn định thuế dựa trên số lượng, chủng loại, trị giá tính thuế, mức thuế, tỷ giá tính thuế, phương pháp tính thuế tại thời điểm ban hành quyết định ấn định thuế.

Thời hạn nộp tiền thuế ấn định thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Thông tư này

132

THỦ TỤC TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT HỒ SƠ HOÀN THUẾ, KHÔNG THU THUẾ (K63 Điều 1)

❑ Quy định hiện hành:

Việc nộp, tiếp nhận hồ sơ xét hoàn thuế, không thu thuế thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế.

❑ Lý do sửa đổi bổ sung:

- ❖ Thẩm quyền kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế theo quy định tại Thông tư 38/2015/TT-BTC thuộc thẩm quyền của Cục Hải quan tỉnh, thành phố đã làm tăng thủ tục hành chính, các Chi cục phải chuyển hồ sơ về Cục để cấp Cục ký
- ❖ Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau thì việc kiểm tra sau hoàn thuế chưa có hướng dẫn được thực hiện theo trình tự thủ tục cụ thể nào?
- ❖ Chưa có quy định việc tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế được thực hiện theo phương thức điện tử
- ❖ Chưa có quy định về nội dung kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế thì cơ quan hải quan phải thực hiện kiểm tra những nội dung cụ thể nào?

133

THỦ TỤC TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT HỒ SƠ HOÀN THUẾ, KHÔNG THU THUẾ (K63 Điều 1)

Lý do sửa đổi, bổ sung:

- ❖ Đảm bảo thực hiện hoàn thuế theo phương thức hồ sơ điện tử và phương thức giấy truyền thống;
- ❖ Quy định rõ các trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau và kiểm tra trước hoàn thuế sau;
- ❖ Cần quy định rõ trình tự, thủ tục đối với 02 trường hợp
 - a) Trường hợp kiểm tra trước, hoàn thuế sau
 - b) Trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau:

134

THỦ TỤC TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT HỒ SƠ HOÀN THUẾ, KHÔNG THU THUẾ (K63 Điều 1)

Nội dung sửa đổi bổ sung:

1. Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế là Chi cục trưởng Chi cục Hải quan (Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định thẩm quyền là Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố)
2. Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước kiểm tra sau thẩm quyền quyết định kiểm tra sau hoàn thuế là Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố. Trình tự thủ tục tiến hành kiểm tra thực hiện theo trình tự, thủ tục Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người nộp thuế.
3. Bổ sung quy định người nộp thuế được nộp hồ sơ hoàn thuế theo phương thức điện tử để làm tiền đề cho việc triển khai Đề án miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế điện tử của Tổng cục Hải quan.
4. Bổ sung quy định về nội dung kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đối với các hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau theo hướng định hướng rõ nội dung kiểm tra đối với từng trường hợp cụ thể.
5. Bổ sung hướng dẫn trình tự, thủ tục kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế và các biểu mẫu kèm theo
6. Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục đối với các trường hợp cần kéo dài thời hạn kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế
7. Bổ sung quy định về việc ban hành quyết định hoàn thuế điện tử
8. Bổ sung quy định về việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ không thu thuế được thực hiện tương tự như đối với hồ sơ hoàn thuế trong đó bao gồm cả hồ sơ điện tử

XỬ LÝ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẠM NỘP, TIỀN PHẠT NỘP THỪA (K64 Điều 1)

Quy định hiện hành:

Chưa có quy định về việc xử lý hồ sơ điện tử đối với việc xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa

Lý do sửa đổi bổ sung:

❖ Cần quy định rõ các trường hợp nộp nhầm nộp thừa theo quy định tại Điều 47 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 được bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13, khoản 1 Điều 29 Nghị định 83/2013/NĐ-CP

❖ Cần bổ sung quy định người nộp thuế được nộp hồ sơ điện tử và cơ quan hải quan xử lý tiền nộp nhầm nộp thừa bằng phương thức điện tử nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai đề án hoàn thuế, không thu thuế điện tử của ngành Hải quan

136

XỬ LÝ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẠM NỘP, TIỀN PHẠT NỘP THỪA (K64 Điều 1)

Nội dung sửa đổi bổ sung:

1. Bổ sung quy định về việc người nộp thuế ngoài việc nộp hồ sơ giấy còn được nộp hồ sơ bằng phương thức điện tử cho cơ quan hải quan
2. Bổ sung quy định về việc kiểm tra của cơ quan hải quan thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan
3. Bổ sung quy định về việc phản hồi thông tin của cơ quan hải quan cho người nộp thuế thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan
4. Bổ sung quy định về việc phản hồi thông tin cho người nộp thuế đối với hồ sơ giấy phải được thực hiện trong 8h làm việc
5. Bổ sung quy định về việc hoàn tiền nộp thừa đối với hồ sơ đủ điều kiện phải được thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc
6. Bổ sung quy định về việc xử lý tiền thuế GTGT được xử lý đồng thời với thuế nhập khẩu (nếu có)

137

XỬ LÝ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẬM NỘP, TIỀN PHẠT ĐƯỢC HOÀN (K65 Điều 1)

Điều 132. Xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được hoàn được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 65 Điều 1 Thông tư 38 sửa đổi như sau:

- (1) Bổ sung bù trừ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được hoàn với tiền phí, lệ phí mà người nộp thuế còn nợ (Điều 11 Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 quy định khoản phí, lệ phí thuộc khoản thu NSNN).
- (2) Kết cấu lại các bước thực hiện xử lý hoàn, bù trừ với các khoản người nộp thuế còn nợ NSNN (bao gồm hoàn, bù trừ từ tài khoản tiền gửi và từ NSNN).

138

TIỀN CHẬM NỘP; NỘP DẦN TIỀN THUẾ; GIA HẠN NỘP THUẾ; XÓA NỢ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẬM NỘP, TIỀN PHẠT

1. Điều 133. Tiền chậm nộp (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 66 Điều 1 Thông tư 38 sửa đổi), trong đó:

- (1) Sửa đổi, bổ sung làm rõ các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp.
- (2) Sửa mức tính chậm nộp 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp để phù hợp với Luật số 106/2016/H13 (thay mức tính chậm nộp 0,05%).
- (3) Bổ sung mẫu thông báo tiền chậm nộp còn thiếu đối với trường hợp số tiền chậm nộp đã nộp ít hơn số tiền chậm nộp phải nộp (do người nộp thuế, cơ quan ủy nhiệm thu, tổ chức tín dụng tự xác định).

139

TIỀN CHẬM NỢ; NỢ DẦN TIỀN THUẾ; GIA HẠN NỢ THUẾ; XÓA NỢ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẬM NỢ, TIỀN PHẠT

2. Điều 134. Nợ dần tiền thuế nợ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 67 Điều 1 Thông tư 38 sửa đổi), trong đó:

- (1) Cập nhật Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 (sửa đổi, bổ sung mức tính chậm nợ: 0,03% trong thời gian nợ dần tiền thuế).
- (2) Bổ sung các mẫu: công văn đề nghị nợ dần và thông báo của cơ quan HQ về chấp thuận/không chấp thuận nợ dần tiền thuế.

3. Điều 135. Gia hạn nợ tiền thuế, tiền chậm nợ, tiền phạt (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 68 Điều 1 Thông tư 38 sửa đổi), trong đó:

- (1) Bổ sung mẫu công văn đề nghị gia hạn nợ tiền thuế, tiền chậm nợ, tiền phạt

140

TIỀN CHẬM NỢ; NỢ DẦN TIỀN THUẾ; GIA HẠN NỢ THUẾ; XÓA NỢ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẬM NỢ, TIỀN PHẠT

(2) Bỏ gia hạn nợ tiền thuế, tiền chậm nợ, tiền phạt đối với trường hợp hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu sản xuất hàng xuất khẩu để phù hợp với Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 (nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng miễn thuế).

4. Khoản 3 Điều 136. Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nợ, tiền phạt (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 69 Điều 1 Thông tư 38 sửa đổi), trong đó:

- (1) Bổ sung mẫu công văn đề nghị xóa nợ.
- (2) Sửa đổi, bổ sung làm rõ Hồ sơ cưỡng chế thuế chứng minh đã thực hiện đầy đủ các biện pháp cưỡng chế hoặc không thực hiện được các biện pháp cưỡng chế (đảm bảo cho cơ sở xem xét xóa nợ theo đúng Luật).

141

HOÀN THÀNH NGHĨA VỤ NỘP THUẾ

□ Quy định hiện hành:

Điều 54 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 quy định:

1. Việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp doanh nghiệp giải thể được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp.
2. Việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp doanh nghiệp phá sản được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật phá sản.
3. Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì phần thuế nợ còn lại do chủ sở hữu doanh nghiệp chịu trách nhiệm nộp.
4. Hộ gia đình, cá nhân chấm dứt hoạt động kinh doanh chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì phần thuế nợ còn lại do chủ hộ gia đình, cá nhân chịu trách nhiệm nộp.

142

HOÀN THÀNH NGHĨA VỤ NỘP THUẾ

□ Nội dung sửa đổi, bổ sung:

1. **Điều 138. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động** được sửa đổi, bổ sung tại khoản 70 Điều 1 Thông tư 38 sửa đổi, trong đó:
Cụ thể hóa đối tượng chịu trách nhiệm phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với Luật doanh nghiệp, pháp luật về hợp tác xã và pháp luật về phá sản.
2. **Điều 140. Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế** được sửa đổi, bổ sung tại khoản 71 Điều 1 Thông tư 38 sửa đổi, trong đó:
 - (1) Bổ sung mẫu công văn đề nghị xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế (gồm mẫu điện tử, mẫu giấy).

143

HOÀN THÀNH NGHĨA VỤ NỘP THUẾ

- (2) Sửa về thời gian cơ quan hải quan kiểm tra, xác nhận và thông báo kết quả đến người nộp thuế hoặc cơ quan quản lý nhà nước là trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn đề nghị xác nhận.
- (3) Sửa thời gian công văn xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế có giá trị kể từ ngày phát hành văn bản (thay sau 30 ngày kể từ ngày ký văn bản).
- (4) Quy định rõ kể từ ngày phát hành văn bản doanh nghiệp sẽ không được đăng ký tờ khai.

144



HẢI QUAN VIỆT NAM
Thuận lợi, Tận tụy, Chính xác



XIN TRÂN TRỌNG. CẢM ƠN!



145